

BỒ TÁT VĂN THÙ SƯ LỢI

Lưỡi Gươm Vàng Trí Tuệ

Tâm Hà Lê Công Đa

Qua kinh sách thuộc truyền thống Đại thừa ta được biết mỗi vị Phật thường có hai vị Bồ tát làm thị giả. Nếu như Đức Phật A Di Đà có Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí làm thị giả thì một trong hai vị thị giả chính của Đức Phật Thích Ca là Văn Thù Sư Lợi, đại biểu cho trí tuệ siêu việt. Bồ Tát Văn Thù đã xuất hiện hầu như trong tất cả các kinh điển quan trọng của Phật giáo Đại thừa: Hoa Nghiêm, Thủ Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Duy Ma Cật,... như là một nhân vật thân cận nhất của Đức Phật Thích Ca, khi thì chính thức thay mặt Đức Thế Tôn diễn nói Chánh pháp, có lúc lại đóng vai tuồng làm người điều hành chương trình để giới thiệu đến thính chúng một thời pháp quan trọng của Đức Bổn Sư. Vì vai trò đặc biệt quan trọng đó mà Bồ Tát Văn Thù đã được tôn xưng là vị Pháp Vương Tử, và hình ảnh của Ngài không những đã rất quen thuộc, gần gũi với quần chúng Phật tử theo truyền thống Đại

thừa cổ điển từ Ấn Độ đến Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản, Tây Tạng, Việt Nam,... trong suốt gần hai thiên niên kỷ qua mà ngay cả với những truyền thống Đại thừa hiện đại của Tây phương. Phật tử Hoa Kỳ, Âu Châu, Úc Đại Lợi,... ngày nay hoặc tụng niệm danh hiệu của Ngài hoặc dùng hình ảnh của Ngài như là một đối tượng quán chiếu, xem đó như là một trong những phương pháp hành trì tu tập hiệu quả nhất nhằm đạt đến tuệ giác.

Là vị Bồ Tát tiêu biểu cho Trí Tuệ, Bồ Tát Văn Thù thường được miêu tả với dáng dấp trẻ trung ngồi kiết già trên một chiếc bồ đoàn bằng hoa sen. Trên tay phải của Ngài, dương cao lên khỏi đầu là một lưỡi gươm đang bốc lửa -một biểu tượng đặc thù của Bồ Tát Văn Thù để phân biệt với các vị Bồ Tát khác- mang hàm ý rằng chính lưỡi gươm vàng trí tuệ này sẽ chặt đứt tất cả những xiềng xích trói buộc của vô minh phiền não đã cột chặt con người vào những khổ đau và bất hạnh của vòng sinh tử luân hồi bất tận, đưa con người đến trí tuệ viên mãn. Trong khi đó, tay trái của Bồ Tát

đang cầm giữ cuốn kinh Bát Nhã- trong tư thế như đang ôm ấp vào giữa trái tim mình suối nguồn và biểu trưng của tỉnh thức, giác ngộ. Chính vì tính cách biểu trưng này mà những nhân vật kiệt xuất về mặt trí tuệ trong lịch sử Phật giáo thế giới, cụ thể như Bồ Tát Long Thọ và đặc biệt là Phật giáo Mật Tông Tây Tạng, đã được xem như là những hóa thân của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, với hai nhân vật đặc sắc: Vị quân vương Phật tử Trisong Detsen (742-797), người góp công đầu trong việc hoằng dương Chánh pháp tại Tây Tạng với việc sáng lập Phật học viện Samye và Đại sư Tông Khách Ba (1357-1419), người sáng lập tông phái Mũ Vàng (Geluk) của Phật giáo Tây Tạng mà Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 hiện nay là kẻ truyền thừa. Trong tự truyện của Đại sư Tông Khách Ba có kể lại câu chuyện thân phụ của Ngài trong một giấc mơ đã thấy một nhà sư trẻ từ Ngũ Đài Sơn –nơi trụ tích của Bồ Tát Văn Thù- tìm đến với ông, trước khi Ngài chào đời, như là một điềm báo trước rằng Tôn giả Tông Khách Ba sẽ là một nhà học giả vĩ đại không phải chỉ riêng đối với Phật giáo Tây

Tạng mà là cả Phật giáo thế giới nói chung. (1)

I. Đi Tìm Nguồn Gốc của Bồ Tát Văn Thù.

Có thể nói rằng ý niệm Bồ Tát gắn liền với truyền thống Đại Thừa và bởi vì Bồ Tát Văn Thù không hề thấy xuất hiện trong các kinh tạng Pali Nguyên Thủy cũng như ngoài Đại Thừa, những nhà học giả nghiên cứu về Phật giáo đã gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc tìm hiểu về nguồn gốc, lai lịch của Bồ Tát Văn Thù. Một số giả thuyết đã được đưa ra để lý giải về xuất xứ cũng như sự hiện hữu của Bồ Tát Văn Thù. Trong số những giả thuyết này có cái thâm đậm tính chất truyền thuyết, huyền thoại như thường được thấy trong bất cứ truyền thống tín ngưỡng nào, bên cạnh đó cũng không thiếu những công trình nghiên cứu của các nhà học giả Phật giáo mang tính khoa học. Sau đây ta sẽ lần lượt đi qua một vài giả thuyết đáng lưu ý.

1. Bồ Tát Văn Thù, Người Tạo Dựng Vương Quốc Nepal.

Theo Benoytosh Bhattachary (2), Bồ Tát Văn Thù là một nhân vật xuất chúng, người đã mang ánh sáng văn minh của Trung quốc đến cho vương quốc Nepal và do đó Ngài đã được tôn sùng kính ngưỡng tại đây. Nguồn tài liệu chính mà Bhattachary dựa vào là truyền thuyết Svayambhu Purana, kể lại rằng Bồ tát Văn Thù đã đến từ Trung quốc và chính là người tạo dựng nên vương quốc Nepal, lúc bấy giờ chỉ bao gồm khu vực chung quanh thung lũng Kathmandu, bằng cách làm khô cạn hồ nước đã phủ lên thung lũng này trước đây. Theo truyền thuyết này thì Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đang cùng một số môn đệ trú ngụ trên ngọn núi Pancasirsa (Ngũ Đài) của Trung Quốc, do thần thông mà biết được rằng có một vị Phật hiệu “Tự Tại” Adibudha hiện đang ra đời và hoằng hoá trên một ngọn đồi nằm kế cận hồ Kali của xứ Nepal. Bồ Tát Văn Thù liền vội vàng dẫn môn đồ đến Nepal để đánh lễ Ngài, nhưng khi đến nơi, Bồ tát khám phá ra rằng ngọn đồi này không ai có thể đến được vì bị bao bọc chung quanh bởi một hồ nước đã bị nhiễm độc bởi Long vương. Ngài liền dùng

thần lực của lưỡi kiếm mang theo cắt chia thung lũng ra làm sáu mảnh, đồng thời xẻ núi cho nước thoát ra làm khô cạn hồ nước này ngay lập tức. Cùng một lúc Ngài cũng đã dùng thần thông đào nên một chiếc hồ khác để cho Long vương của hồ Kali có nơi trú ẩn. Xong xuôi Ngài dựng lên một ngôi tự viện thờ phượng Phật Adibudha ở trên đồi này, (ngày nay là đồi Svayabhunath) còn mình thì lưu trú cạnh đó. Hiện nay trên đồi Svayabhunath của xứ Nepal vẫn còn lưu dấu ngôi cổ tháp thờ Phật Adibudha và cách đó không xa là Thánh điện thờ Đức Văn Thù Sư Lợi. Sau khi hoàn tất xong mọi việc, Ngài đã để cho một môn đệ ở lại làm vua của vương quốc tân lập Nepal, còn mình thì trở về Trung Quốc trút bỏ xác phàm, lưu lại nhục thân, trở thành một vị Bồ Tát thánh hóa.

Là một truyền thuyết dĩ nhiên khó đảm bảo được tính xác thực, hơn thế nữa, truyền thuyết Svayambhu Purana mà Bhattachary dựa vào để xác định nguồn gốc của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi cũng chỉ mới xuất hiện gần đây, sớm nhất

là vào khoảng thế kỷ thứ 16, nên không thể là một nguồn tài liệu đáng tin cậy về xuất xứ của Bồ tát Văn Thù, vì như ta biết, Bồ Tát Văn Thù đã xuất hiện khá sớm trong các kinh sách Đại Thừa. Giả thuyết về nguồn gốc này cũng không được xây dựng trên một cơ sở vững chắc vì theo học giả John Brough (3), phần lớn truyền thuyết liên quan đến vương quốc Nepal đều xuất phát từ nước Vu Điền (Khotan) và đã được người Tây Tạng sau này truyền vào Nepal vào khoảng thế kỷ thứ 10 CE. Brough đã đưa ra một số chi tiết cho thấy truyền thuyết liên quan đến việc lập quốc của xứ Vu Điền cũng có những điểm tương đồng và hiện hữu song hành với truyền thuyết liên quan đến việc tạo dựng xứ Nepal, trong đó có hai chi tiết rất giống nhau: Thứ nhất, xứ Vu Điền cũng được tạo dựng nên do việc làm khô cạn một hồ nước. Truyền thuyết Gosrnga Vyakarana kể lại rằng “Đức Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni khi đi đến đồi Gosrnga, Ngài trông thấy hồ nước liền bảo hai đệ tử là Ngài Xá Lợi Phất và Đa văn thiên hãy làm cho thấy biên giới của đất liền. Vâng lời Phật, hai vị Thánh tăng này đã dùng

thiên trượng và giới đao làm khô cạn hồ nước đồng thời chuyển toàn bộ hồ nước và các sinh vật đang sinh sống trong đó đến một cái hồ kế cận. Thứ hai, Đức Văn Thù Sư Lợi đã ban ân sủng đặc biệt nhằm bảo hộ một khu vực ở trên đồi Gosrnga mà tại địa điểm này về sau một tu viện Phật giáo đã được xây dựng lên. Gosrnga là một trung tâm Phật giáo quan trọng đầu tiên của xứ Vu Điền cũng giống như ngọn đồi Svayambhu của thung lũng Kathmandu (Nepal). Theo Brough, nguồn gốc lai lịch của những truyền thuyết này chính ra là được xuất phát từ Vu Điền hơn là Nepal vì ngay cả trong truyền thuyết Svayambhu Purana cũng đã nêu lên rằng Gosrnga là tên ban đầu của đồi Svayambhu. Sở dĩ có sự chuyển đổi những truyền thuyết này từ Vu Điền sang Nepal là vì văn tự cổ của Tây Tạng gọi xứ Vu Điền là Li-Yul, nhưng sau này khi xứ Vu Điền bị xoá tên không còn là một vương quốc độc lập nữa, người Tây Tạng có thể đã không còn biết chắc chắn vị trí của xứ Vu Điền nằm ở đâu. Thế nên vào thời điểm mà kinh điển Tạng ngữ được kết tập (Kanjur), Li-Yul đã được gán cho là Nepal,

chính vì vậy mà những truyền thuyết liên quan đến xứ Li-Yul cũ, (Vu Điền) đã trở nên gắn bó với Li-Yul mới (Nepal) và người Nepal sau này đã xem những truyền thuyết này là của chính họ.

Như vậy, một cách tóm tắt, giả thuyết cho rằng Bồ Tát Văn Thù là người đến từ Trung Quốc và đã tạo dựng nên xứ Nepal, đã không phù hợp cả về mặt lịch sử cũng như tính luận lý.

2. Bồ Tát Văn Thù và Nhạc Thần (Càn Thát Bà) Pancasikha:

Trong khi đó một nhà học giả Pháp, Marcelle Lalou, cho rằng đã có những mối tương quan mật thiết giữa Bồ Tát Văn Thù và danh hiệu của một Càn Thát Bà -nhà nhạc thần của các cung trời –Pancasikha, thường được đề cập đến trong các kinh tạng cả Pali lẫn Sanskrit. Học giả Lalou lập luận rằng một trong những quan hệ này là ý nghĩa tương đương giữa danh hiệu Pancasikha và một từ thỉnh thoảng được dùng khi miêu tả sự xuất hiện của Bồ Tát Văn

Thù: Pancaciraka. Pancaciraka có nghĩa là “người có mái tóc kết thành năm búi”, trong khi đó Pancasikha có nghĩa là “Năm Chòm” mà theo ngài Phật Hộ thì danh hiệu này liên hệ đến một kiểu búi tóc năm chòm rất thịnh hành của giới trẻ thời xưa.

Một lãnh vực khác có mối tương quan giữa Bồ Tát Văn Thù và Pancasikha theo Lalou, là phẩm chất của thanh âm giọng nói và tài biện thuyết. Văn Thù Sư Lợi được biết là vị Bồ tát có biện tài vô ngại và thường được miêu tả là người có giọng nói đặc biệt êm dịu, ngọt ngào, thế nên Ngài còn mang một danh hiệu khác là Diệu Âm (Manjughosa hay Manjusvara) và được coi là “Vị Chủ Tể của Thuyết Giảng” (Vadiraja hoặc Vagisvara). Trong khi đó, Pancasikha là một Càn Thát Bà với biệt tài ca hát, đương nhiên là phải có một giọng nói hết sức quyến rũ, êm dịu. Kinh Sakkapanha đã nêu rõ biệt tài này của Pancasikha: Vị Phạm thiên Đế Thích, chủ của Cung Trời thứ ba mươi ba muốn được thỉnh giáo Đức Thế Tôn nhưng ngại ngần không biết Phật có có sẵn

sàng để tiếp xúc hay không nên đã nhờ Pacasikha làm trung gian với hy vọng là với tài ca hát của vị Nhạc thần này sẽ tạo ra một bầu khí thuận lợi. Trong Kinh Sakkapana, Đức Thế Tôn đã tán thán tài nghệ của vị Càn thất bà này như sau:

“Âm thanh tiếng đàn của ông hoà hợp thật tuyệt diệu với lời ca, ông Pacasikha! Cũng vậy, lời ca của ông rất hoà hợp với tiếng đàn. Lại nữa ông Pacasikha, thanh âm của tiếng đàn không át chế giọng ca của ông cũng như thanh âm của giọng ca không hề át chế tiếng đàn.” (4)

Nên nhớ rằng Đức Thế Tôn lúc chưa xuất gia là một vị Hoàng tử tài hoa và rất được cung chiều. Cung điện của Ngài vì thế là nơi tập trung tất cả những nhạc sĩ và ca sĩ tài ba nhất của vương quốc CaTỳ La Vệ đương thời nên trình độ thưởng ngoạn âm nhạc của Ngài là của một người hiểu biết, có kiến thức về nghệ thuật thẩm âm.

Mối tương quan thứ ba giữa Bồ Tát Văn Thù và Pancasikha là sự trẻ trung. Pancasikha là vị Nhạc Thần sống ở thiên cung, “nơi hoa xuân không hề tàn” và cái già không hề có mặt. Biểu tượng chính của vị Thiên vương này là sự tươi trẻ cùng với dung mạo phong lưu tuấn tú. Nét tươi trẻ cũng là một biểu hiệu của Bồ Tát Văn Thù khi một trong những đặc tính mô tả về Ngài là kumarabhuta bao hàm hai ý nghĩa, trẻ trung và là hoàng tử. Thế nên theo Lalou, tính cách phổ thông chung của hai nhân vật này đều được bắt nguồn từ một huyền thoại là các vị thần tiên, các Thiên vương không bao giờ già. Điều này có thể đúng với nhân vật Pancasikha, tuy nhiên yếu tố trẻ trung – kumarabhuta- không phải là đặc tính chính yếu của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, như sau này, đặc biệt là dưới thời Đường của Trung Quốc, Bồ Tát thường được mô tả là đã xuất hiện như một ông già hoặc đôi khi như một người ăn xin.

Cuối cùng, cả Bồ Tát Văn Thù cũng như Pancasikha đều đóng vai trò của một người giới thiệu, nêu câu hỏi mở đầu để chuẩn bị cho

một thời pháp quan trọng của Đức Thế Tôn. Kinh Điển Tôn (Mahagovinda) trong bộ Trường A Hàm kể lại, lúc Phật đang ở núi Linh Thứu thì vị Nhạc thần Pancasikha -tức Bát-giá-Dục- đã hiện đến với Phật và tường trình cùng Ngài những gì mà ông ta đã được chứng kiến tại cung trời Đao Lợi trước đây (5). Tích truyện này cũng đã được kể lại trong bộ Đại Sự (Mahavastu) mà trong đó ở phần cuối, Pancasikha đã đóng vai trò của người giới thiệu chương trình, giống như vai trò của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi trong các kinh điển Đại Thừa.

Dựa trên những mối tương quan gần gũi về danh hiệu, hình tướng, phẩm chất và vai trò của hai người, phải chăng hình ảnh của nhân vật Pancasikha chính là hình ảnh của Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ở buổi sơ khai? Học giả David Snellgrove đã đưa ra giả thuyết như vậy và cho rằng Pancasikha lúc ban đầu được gọi là Pancasikha Manjughosa, trong đó Manjughosa (Diệu Âm) là thuộc tính nêu bật phẩm chất về giọng nói của Pancasikha. Cũng

theo Snellgrove, sau này danh hiệu trên đã được đảo ngược vị trí thành Manjughosa Pancasikha trong đó Pancasikha trở thành thuộc tính của nhân vật Manjughosa và Manjughosa không ai khác hơn chính là danh hiệu nguyên thủy của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi.

Tuy nhiên cả Lalou lẫn Snellgrove đã không nêu ra được một kinh sách nào để dẫn chứng cho lập luận của mình cho thấy rằng có sự quan hệ giữa Manjughosa và Nhạc thần Pancasikha. Mọi liên hệ này hoàn toàn không thấy xuất hiện trong kinh tạng Pali, duy chỉ có một phẩm trong Kinh Trường A Hàm khi đề cập đến một đỉnh núi của dãy Hi Mã Lạp Sơn, Ghandhamadana, có miêu tả: “Diệu Âm (Manjughosa), vua của các Càn-thát-bà, bao quanh bởi 500 vị Càn thát bà, trụ xứ ở đó.” Thế nhưng, phẩm kinh này chỉ có bản dịch bằng tiếng Trung quốc là còn tồn tại, thế nên tên Diệu Âm có thể đã được diễn dịch ra theo ngôn ngữ Trung quốc và chưa chắc là đã đúng với nguyên văn Phạn ngữ. Hơn thế nữa, danh từ pancasikha mà Ngài Phật Hộ cho rằng có ý

nghĩa là năm búi tóc, trong Phạn ngữ còn có một ý nghĩa khác là năm đỉnh núi, hay năm ngọn núi, sẽ được nói đến trong phần tiếp theo sau đây.

3. Núi Ghandhamadana, Trú Xứ của Bồ Tát

Trong phẩm kinh Trường A Hàm như đã dẫn chứng ở trên có đề cập đến ngọn núi Ghandamadana như là nơi trú xứ của vua Càn-thát-bà Diệu Âm. Ghandhamadana là một phần của dãy Hy Mã Lạp Sơn bao quanh hồ nước Anavatapa nổi tiếng, vì là nơi phát tích các dòng sông quan trọng của Ấn Độ: Hằng hà, Ấn hà và Oxus, thường được nói đến trong kinh điển truyền thống Phật giáo. Trong phần chú giải phẩm Tỳ Thuyết (Udana) của Tiểu Bộ Kinh, hồ nước và những dãy núi bao quanh này đã được chi tiết hoá như sau:

Hồ Anavatapa được bao quanh bởi năm ngọn núi là Sudarsana, Citra, Kala, Ghandhamadana, và Kailasa. (6)

Như vậy Gandhamadana là tên của một trong năm ngọn núi – mà Phạn ngữ gọi là pancasikha hay pancasirsa. Thế nên, có thể đã có mối liên hệ giữa danh từ pancasikha (đỉnh núi) với địa phương nơi trú xứ của vị vua Càn-thát-bà. Vị Nhạc thần cai quản các Càn thất bà này đã lấy tên địa phương nơi mình cư ngụ làm danh hiệu cho chính mình, Pancasikkha. Trong truyền thống Ấn Độ, người ta cũng thấy rằng Hy Mã Lạp Sơn được mô tả như là trú xứ của các Càn-thát-bà và vị Nhạc thần Pancasika đã thường xuyên lui tới chốn này. Chuyện tiền thân của Bồ Tát Văn Thù (Manjari Jataka) trong bộ Đại Sự có kể lại rằng vị Nhạc thần này đã từng đến thăm viếng vị sơn thần cai quản Hi Mã Lạp Sơn để thuyết phục ông ta phát khởi lòng khoan dung rộng lượng, và trong bộ Khổng Tước Minh Vương kinh (Mahamayuri) cũng nêu rõ rằng trú xứ của Pancasikha là vùng Kế Tân (Kashmir), phía Tây Bắc của dãy Hi Mã Lạp Sơn kề cận với năm ngọn núi bao quanh hồ nước Anavatapa nổi tiếng.

Bồ Tát Văn Thù đồng thời cũng có quan hệ mật thiết với ngọn núi Ghandhamana. Trong bộ kinh ngắn, “Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi Nhập Niết Bàn”, Bồ Tát đã được mô tả là đã từng đến thăm viếng dãy Hi Mã Lạp Sơn để chuyển hoá 500 vị địa tiên cư trú tại đây trở về với Phật giáo. Và sau đó, cũng trong bộ kinh này đã mô tả cảnh Bồ Tát nhập Niết bàn, khi dùng lửa tam muội tự thiêu đốt xác thân của mình. Xá lợi của Ngài được đưa về đỉnh núi Hương Sơn, nơi mà vô số lượng các Thiên, Long, quỷ thần sẽ tụ tập đến để làm lễ tôn kính Ngài. Núi Hương Sơn này đã được nhà học giả Pháp Lamotte xác định là Gandhamadana, “ngọn núi tỏa thơm mùi hương báu”. (7)

Khi mà tiếng tăm của Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ngày càng phổ biến trong đại chúng, tên tuổi của Ngài thường được gắn liền với những danh sơn trong các quốc gia Phật giáo, cụ thể như Gosrnga của xứ Vu Điền (Khotan) và Ngũ Đài Sơn của Trung Quốc. Cả Gosrnga và Ngũ Đài Sơn đều có hồ nước gần kề và đặc biệt Ngũ Đài Sơn, như tên gọi của nó, bao gồm

năm ngọn núi quần tụ lại với nhau, phần nào liên hệ đến thuộc tính pancacira -tóc năm búi- của Bồ Tát Văn Thù, mà bất cứ nơi nào có liên hệ đến con số năm đều có thể được coi như là nơi trú xứ thích hợp của Bồ Tát. Trong tinh thần này, Ngũ Đài Sơn là nơi trụ tích lý tưởng của Bồ Tát Văn Thù vì phần nào liên hệ đến vùng năm núi trong đó có ngọn Ghandhamadana nổi tiếng.

II. Ngũ Đài Sơn, Trung Quốc , Nơi Trụ Tích của Bồ Tát Văn Thù.

Ngũ Đài Sơn thuộc địa phận tỉnh Sơn Tây, sở dĩ được gọi là Ngũ Đài vì có năm ngọn núi cao vây quần lại với nhau là Đông đài, Tây đài, Nam đài, Bắc đài và Trung ương đài, phong cảnh rất thanh tú với hồ nước lung linh, những dòng sông trong veo uốn khúc, và những cảnh quan thiên nhiên kỳ thú như những bức tranh thủy mặc, nên từ lâu được coi là chốn bồng lai tiên cảnh, trú xứ của những vị Tiên theo truyền thuyết Trung Hoa. Sở dĩ Ngũ Đài Sơn được xem là nơi trụ tích của Bồ Tát Văn Thù vì kinh

Hoa Nghiêm có nói rằng: Ngài Văn Thù Bồ Tát trụ ở núi Thanh Lương phía Đông Bắc và hiện đang thuyết pháp cho chư Bồ Tát nghe. Núi Thanh Lương sau này được ám chỉ là núi Ngũ Đài, cho nên núi Ngũ Đài cũng được gọi là núi Thanh Lương mà theo tin tưởng của Phật tử, trong núi này hiện có Đức Văn Thù thuyết pháp cho hàng vạn Bồ Tát nghe. Núi Ngũ Đài từ đời Tùy đã được coi như là cõi Tịnh Độ của Bồ Tát Văn Thù và đến giữa đời Đường, tức là vào cuối thế kỷ thứ bảy, thì đã trở thành một trung tâm tín ngưỡng lớn, một địa điểm hành hương có tầm vóc quốc tế. (8)

Đã có rất nhiều truyền thuyết cũng như Kinh sách còn lưu truyền lại nói rằng Bồ Tát Văn Thù đã nhiều lần hoá hiện ra tại Ngũ Đài Sơn cho những ai có tâm thành hành hương đến đây để tìm cầu Ngài. Nổi tiếng nhất là chuyện đại sư Phật Hộ, người nước Kế Tân (Kashmir), đã hành hương đến Ngũ Đài Sơn vào năm 676 chỉ với một hy vọng duy nhất là được nhìn thấy Bồ Tát Văn Thù xuất hiện. Khi đến nơi Sư đã phủ phục năm vóc xuống đất và khẩn

cầu Bồ Tát. Sau khi đánh lễ xong đứng dậy thì ngài Phật Hộ thấy một lão trượng đang đi lại hướng mình. Người này hỏi Sư là có mang theo mình thần chú Buddhosisavijaya hay không, mà theo ông lão thì chỉ có thần chú này mới có năng lực giải trừ người Phật tử Trung Quốc ra khỏi những cám dỗ ma quỷ. Sư Phật Hộ thú nhận rằng mình đã không mang theo thần chú này và được ông già khuyên cáo là phải quay trở về Ấn Độ thỉnh thần chú này rồi khi trở lại đây chắc chắn sẽ được gặp Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi. Tâm tràn đầy hân hoan, sư Phật Hộ kính cẩn cúi đầu cảm tạ lời chỉ dẫn và khi ngừng lên thì ông già đã biến mất! Sư quay trở về Ấn Độ và khi trở lại Ngũ Đài Sơn cùng với thần chú, Ngài đã gặp Bồ tát Văn Thù một lần nữa và lần này Bồ Tát đã hướng dẫn ngài Phật Hộ tham quan Ngũ Đài Sơn cũng như cho biết những bí mật ẩn tàng ở đây.

Một câu chuyện khác cũng không kém quan trọng vì đã dẫn đến việc xây dựng một ngôi đạo tràng trang nghiêm vĩ đại nhất tại Ngũ Đài Sơn, Kim Các tự. Chuyện kể rằng Thiền sư

Đạo Nhất, một cao tăng nổi tiếng đời Đường, cho rằng mình vì thiếu phước duyên nên mới sinh ra vào thời mạt pháp, may ra chỉ đến Ngũ Đài Sơn mới có thể thấy được sự hóa hiện của Bồ Tát. Trong niềm tin thành như thế, Sư đã thực hiện một chuyến hành hương thăm viếng thánh địa của Ngài vào năm 736 cùng với một tăng sĩ đồng hành. Trên con đường lên núi bỗng dưng Sư trông thấy một lão tăng cười trên mình một con voi trắng xuất hiện ở hướng đối diện. Sau khi hai bên cung kính vái chào nhau, vị lão tăng này cho biết là ông ta đã hiểu rõ lai lịch cùng tâm nguyện của Đạo Nhất và hứa hẹn rằng nếu Sư trở lại vào ngày hôm sau thì có thể gặp được Bồ Tát Văn Thù. Sư Đạo Nhất vô cùng cảm ơn hảo ý của vị lão tăng, chưa kịp hỏi han thêm thì vị lão tăng này bỗng dưng biến mất như một làn gió, để lại trong không gian một mùi hương thoang thoảng. Sư quá đỗi vui mừng và suốt đêm nghỉ lại tại chùa Thanh Lương, trung tâm của núi Ngũ Đài, Sư cứ trần trọc mãi mong cho trời mau sáng để có thể diện kiến và đánh lễ Bồ Tát. Sáng hôm sau vào lúc tinh mơ, Sư đã vội thức dậy một mình

nhắm hướng Tây lên núi. Trong làn gió lạnh của buổi sớm mai, Sư bỗng thấy trên không hiện ra một ngôi cổ tháp toả ra những ánh sáng rực rỡ. Tiếp tục hành trình, Sư một lần nữa gặp lại vị lão tăng cưỡi con voi trắng của ngày hôm trước. Vị Tăng khuyến khích Sư cứ nên tiếp tục và khi đi thêm một đôi đường nữa, Sư ngạc nhiên thấy một nhóm đông tăng chúng đang tụ tập thọ trai tại một ngôi phạn đường. Tự nhắc nhở mình rằng mục đích chính là gặp gỡ Bồ Tát Văn Thù, Sư thấy mình không nên nán ná lại chỗ này mà tiếp tục dần bước và rồi bất chợt trước mặt Sư một đồng tử trạc chừng 13, 14 tuổi xuất hiện, tự xưng là Thiện Tài Đồng Tử, chúc mừng Sư: “Chào tăng sĩ, Ngài đã bước đến ngưỡng cửa của Kim Cáo Tự”. Sư theo chân vị đồng tử này khoảng chừng vài ba trăm bước về hướng Tây Bắc, đi qua một cây cầu thì bước chân vào một dãy dinh thự hùng vĩ trang nghiêm của tu viện, tất cả đều bằng vàng, ở đó Sư gặp lại vị lão tăng cưỡi con voi trắng. Đến đây thì không còn nghi ngờ gì nữa, Sư biết rằng vị lão tăng này chẳng ai khác hơn chính là Bồ Tát Văn Thù hoá hiện! Khởi nói

chắc mọi người cũng biết là Sư vui mừng đến độ choáng váng phải một lúc sau mới hoàn hồn tỉnh lại. Nhân cơ hội này Sư đã tham vấn Bồ Tát về những khúc mắc trong Phật pháp và Ngài cũng đã ân cần hỏi han về tình trạng Phật pháp ở quê hương Sư. Sư Đạo Nhất được mời thọ thực tại đây và sau đó vị đồng tử đã hướng dẫn Sư đi thăm viếng toàn bộ cảnh quan của tu viện. Từ giả Bồ Tát Văn Thù bước đi chừng trăm bước, Sư ngoái đầu nhìn lại, tất cả đều biến mất!

Sư Đạo Nhất đã đem tất cả những điều mình đã được chứng kiến tường trình lên cùng Hoàng đế Huyền Tôn và nhà vua tỏ ra đã bị thu hút bởi chuyện linh ứng màu nhiệm của Bồ Tát Văn Thù nên đã ủng hộ cho việc khởi công kiến thiết ngôi Kim Các Tự. Ngôi chùa vĩ đại này được kiến trúc theo mô hình mà Sư Đạo Nhất đã trông thấy trong lần gặp gỡ Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, được hoàn tất vào cuối thế kỷ thứ 8 do công lao của nhà sư Ấn Độ, Bất Không Kim Cương đã vận động Hoàng Đế Đại Tôn cung cấp ngân khoản xây chùa vào năm

Một nhà sư khác người Nhật Bản, Viên Nhân (Ennin), cũng đã hành hương đến Ngũ Đài Sơn vào năm 840 CE. Ông đã lưu lại đây hơn hai tháng và trong nhật ký đã ghi lại những điều chứng kiến được tại Ngũ Đài Sơn như sau:

“Vào khoảng đầu hôm, chúng tôi, một nhóm tăng chúng khoảng mười người đột nhiên trông thấy trên bầu trời hướng đông của thung lũng xuất hiện một cây đèn thần, ánh sáng ban đầu chỉ nhỏ cỡ chũm bằng một cái bình bát nhưng sau đó lớn dần lên bằng cả cái nhà. Chúng tôi quả thật là hoàn toàn rung động trước cảnh tượng này, vội vã quỳ xuống đánh lễ và niệm lớn danh hiệu Bồ Tát Văn Thù. Rồi thì một cây đèn khác lại hiện ra gần chúng tôi hơn, thoát tiên cỡ bằng một chiếc nón rơm và rồi cứ tiếp tục lớn dần lên. Hai ngọn đèn này nhìn từ xa, cách nhau khoảng chừng 100 bộ, tỏa ánh sáng rất rực rỡ cho đến khoảng nửa đêm thì tàn lụi dần và biến mất.”

Trong cuốn hồi ký này, sư Viên Nhân cũng mô tả lại những kiến trúc, đền đài, những nơi thờ

phượng ở trên Ngũ Đài Sơn, kể cả bức tượng Bồ Tát Văn Thù rất nổi tiếng tại chùa Hoa Nghiêm:

“Bức tượng Bồ Tát cưỡi trên mình con sư tử lớn bằng cả một ngôi nhà năm gian. Con sư tử trông thật siêu nhiên, vĩ đại và sống động cứ như là thực. Ta có cảm tưởng như là nó đang đi và thở hơi khói ra ở miệng. Chúng tôi nhìn nó một hồi và càng nhìn càng thấy nó như đang di chuyển.”

Theo lời vị sư trú trì kể lại cùng sư Viên Chân thì bức tượng này đã phải đúc đến lần thứ bảy mới hoàn thành, tất cả những lần trước, lần nào cũng bị hư bể cả. Nghĩ rằng chắc có chuyện gì không đúng, có thể đã mạo phạm đến Bồ Tát, nhà điêu khắc chủ trì việc đúc tượng thành tâm khẩn nguyện cùng Bồ Tát Văn Thù xin Ngài hiện ra chỉ cho ông hình ảnh trung thực nhất mà Bồ Tát muốn miêu tả về mình. Câu chuyện đúc tượng này đã được Sư Viên Chân tóm tắt như sau: “Sau khi cầu nguyện, nhà điêu khắc mở mắt ra và vô cùng

kinh ngạc khi thấy Bồ Tát Văn Thù cười trên mình con sư tử màu vàng xuất hiện trước mắt. Một khoảnh khắc sau đó, Bồ Tát bay lên đám mây ngũ sắc và mất hút dần vào khoảng không. Nhà điêu khắc vô cùng vui mừng và cảm kích khi được trông thấy hình ảnh thực sự của Bồ tát nhưng đồng thời ông cũng không cầm được nước mắt vì hối hận khi đã diễn tả sai lầm về Bồ Tát từ trước đến nay.

Câu chuyện này mang một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong lịch sử mỹ thuật Phật giáo vì kể từ đây trở về sau, hình ảnh Bồ tát Văn Thù cười sư tử xuất hiện trong đám mây rực rỡ đã trở thành một khuôn mẫu cho các nghệ nhân sáng tác khi miêu tả về Bồ tát. Năm 1975, người ta khám phá ra tại Động Đôn Hoàng một bức bích họa có niên đại vào khoảng thế kỷ thứ 10 đã trình bày Bồ Tát Văn Thù với kiểu cách như trên.

Ngũ Đài Sơn như đã trình bày có quan hệ mật thiết với núi Thanh Lương được đề cập đến trong Kinh Hoa Nghiêm mà ngài Phật Đà Bạt

Đà La đã phiên dịch ra Hán văn vào năm 418-420 CE. Thế nên khi nói về Bồ Tát Văn Thù người ta không thể không nói đến Hoa Nghiêm tông, một tông phái Phật giáo Trung quốc rất thịnh hành dưới đời Đường. Chính việc phổ biến rộng rãi Kinh Hoa Nghiêm đã góp phần lớn trong việc phát triển tín ngưỡng tôn thờ Bồ Tát Văn Thù trong đại chúng, bởi vì Kinh Hoa Nghiêm, đặc biệt là trong phẩm kết thúc của bộ kinh này, đã làm nổi bật vai trò của Bồ tát như là một vị thiện trí thức với những lời khuyên thích đáng và thiết thực cho những kẻ thiết tha cầu đạo, tiêu biểu là Thiện Tài đồng tử. Sự ảnh hưởng của tông Hoa Nghiêm đối với tín ngưỡng Văn Thù đã được Đại sư Pháp Tạng (643-712 CE), Đề tam tổ của Hoa Nghiêm tông mô tả trong cuốn “Những Ghi Chú Về Truyền Thống Hoa Nghiêm”, đã chép lại một phần lai lịch cùng những truyện tích liên quan đến Ngũ Đài Sơn và Bồ Tát Văn Thù.

Một yếu tố khác có thể cũng đã góp phần vào việc củng cố tín ngưỡng tôn thờ Bồ Tát Văn

Thù tại Ngũ Đài Sơn là một niềm tin khá phổ biến trong thời điểm này cho rằng thế gian đang bước vào giai đoạn mạt pháp. Trong thời kỳ chánh pháp suy tàn, ma vương tà kiến lộng hành, người ta tin rằng duy nhất chỉ có Ngũ Đài Sơn, nơi trú xứ của Bồ Tát Văn Thù là có thể giúp cho con người có được cơ hội tiếp xúc trực tiếp với Chánh pháp, với nguồn mạch giác ngộ. Niềm tin này phần nào đã được phản ánh trong cuốn nhật ký hành hương của Đại sư Viên Chân như đã trình bày ở trên cũng như trong “Văn Thù Sư Lợi Pháp Bảo Chân Ngôn Kinh” do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch ra Hán văn vào năm 710, có đưa ra lời tiên đoán của Đức Phật Thích Ca liên hệ đến Ngũ Đài Sơn. Trong cuốn kinh này, khi Bồ tát Vajraguhyaika thỉnh cầu Phật giải thích việc gì sẽ xảy đến khi Chánh pháp không còn tồn tại, Đức Thế Tôn đã trả lời: “Sau khi Ta nhập Niết bàn rồi, trong cõi Nam Thiện Bộ Châu này, ở về phía Đông Bắc có một quốc độ tên là Đại Trung quốc. Ở ngay trung tâm của quốc độ này có một ngọn núi tên là Ngũ Đài. Vị Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi sẽ trụ xứ ở trung tâm của ngọn núi này

diễn nói Chánh Pháp để cứu độ chúng sanh. Vô số Thiên, Long, La Sát, Phi Nhân, Ma hầu la già cùng các chúng trời người và quỷ thần tụ tập chung quanh Bồ Tát để cúng dường và nghe pháp”. Đức Phật Thích Ca còn cho biết thêm, khi Chánh Pháp không còn tồn tại, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi sẽ diễn nói pháp tương ứng cho giai đoạn này.

Như vậy, đến cuối thế kỷ thứ Bảy, tín ngưỡng tôn thờ Bồ Tát Văn Thù đã được thiết định vững chắc tại Trung Quốc và Ngũ Đài Sơn, nơi trụ tích của Bồ tát đã trở thành một thánh địa thiêng liêng thu hút khách hành hương đến từ khắp nơi trên thế giới: Kasmir, Ấn Độ, Nhật Bản, Nepal, Tích Lan, Tây Tạng,... Tại đây, một ngôi đại tháp cao sáu thước cũng đã được dựng lên trong khuôn viên của chùa Đại Tháp Viện (Trung Đài) để thờ một bảo vật mà người ta tin là tóc của Bồ tát Văn Thù, vì theo truyền thuyết được kể lại thì dưới thời Bắc Ngụy, Bồ Tát đã hiện ra một lần dưới dạng một bà già nhà quê nghèo khó đến hành hương Ngũ Đài Sơn và vì không có gì quý báu để cúng dường,

bà đã tặng chùa mái tóc của mình. Dĩ nhiên là tặng chúng trong chùa không có ai hoan hỷ để đón nhận vật phẩm cúng dường này, nếu không nói là còn tỏ ra rất khinh rẻ. Bất ngờ bà cụ già bay vọt lên không và hóa hiện ra thành Bồ Tát Văn Thù, lúc này mọi người mới kinh hoàng quỳ sụp xuống lạy và sau đó kiến tạo lên ngôi bảo tháp này để thờ di vật quý giá của Bồ Tát mà người Trung hoa tôn kính gọi là hắc xá lợi. Ngôi đại tháp đã được trùng tu lại dưới thời Hoàng đế Thần Tôn, nhà Minh (1573-1619).

Ngài Bất Không Kim Cương
(AMOGHAVAJRA)

Và Sự Nghiệp Phát Triển Tín Ngưỡng Văn
Thù Sư Lợi

Khi nói đến tín ngưỡng tôn thờ Bồ Tát Văn Thù ta không thể không nói đến công nghiệp lớn lao của một vị đại tăng đã đưa tín ngưỡng này phổ cập đến toàn thể lãnh thổ Trung quốc, đó là ngài Bất Không Kim Cương. Ngài Bất Không người nước Tích Lan (Trung Hoa cổ

gọi là nước Sư Tử), lúc 15 tuổi theo ngài Kim Cương Trí đến Lạc Dương và được thọ giới ở đó. Trong hai mươi năm trời theo thầy học đạo, chuyên nghiên cứu về bí nghĩa của Mật giáo. Sau khi ngài Kim Cương Trí viên tịch, ngài cùng với sư Hàm Quang theo đường thủy trở về Ấn Độ để tham vấn các học giả của Mật giáo đương thời, sưu tầm được rất nhiều kinh điển của Mật giáo. Tới năm Thiên Bảo thứ năm (746), Ngài lại trở về Tràng an chuyên việc phiên dịch để hoằng truyền Mật giáo. Ngài tịch năm Đại Lịch thứ 9 (774) đời vua Đại Tôn, thọ 70 tuổi. Trong khoảng 30 năm trời, Ngài được ba đời vua Huyền Tôn, Túc Tôn và Đại Tôn đều trọng đãi. Khi Ngài mất, vua truyền lệnh bãi triều ba ngày để kỷ niệm và tặng Ngài tên hiệu là “Đại Biên Chính Quảng Trí Bất Không Tam Tạng Đại Hoà Thượng”. (9)

Cùng với La Thập, Chân Đế và Huyền Trang, Ngài được gọi là một trong “Bốn nhà Đại phiên dịch” kinh điển của Phật giáo Trung Quốc. Ngoài việc hoằng truyền giáo lý Mật

tông, Đại sư Bất Không còn được biết đến qua sự nghiệp xiển dương tín ngưỡng tôn thờ Bồ tát Văn Thù Sư Lợi tại Trung Quốc. Những văn bản liên quan đến công nghiệp này đã được Huyền Cảo, một đệ tử của Ngài, sưu tập lại trong bộ Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh, gồm cả những thư từ trao đổi giữa Ngài và hai vị Hoàng đế Trung Quốc vào khoảng cuối thế kỷ thứ tám là một nguồn sử liệu có giá trị trong việc nghiên cứu việc phát triển tín ngưỡng tôn thờ Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi.

Như đã nói ở trên, chính Đại sư Bất Không là người chịu trách nhiệm trong việc hoàn tất công trình xây cất Kim Các tự tại Ngũ Đài Sơn sau khi được Đại Tôn Hoàng Đế chuẩn cấp ngân sách vào năm 746. Do được vua ưu ái sùng mộ mà Ngài Bất Không đã thuyết phục được vua ban hành sắc lệnh tôn Bồ tát Văn Thù Sư Lợi như là một vị Bồ Tát bảo hộ chính trong tất cả các chùa chiền tự viện tại Trung quốc. Trong sớ biểu dâng lên Hoàng Đế, Bất Không Đại sư đã viết về Bồ Tát Văn Thù như là “người đang bảo vệ, canh giữ Ngũ Đài

Sơn”, hàm ý nhấn mạnh đến vai trò bảo hộ quốc gia của Bồ Tát. Vào năm 772, cũng do yêu cầu của Ngài, Đại Tôn Hoàng Đế lại ban hành thêm một đạo dụ khác ra lệnh cho khắp các ngôi chùa trong nước đều phải thiết lập thêm một viện thờ Đức Văn Thù. Tại những điện thờ này, tăng sĩ được yêu cầu tụng đọc những kinh điển cầu “quốc thái dân an”, Bồ Tát Văn Thù nghiêm nhiên đã rời khỏi nơi trụ tích Ngũ Đài Sơn để trở thành một vị thần bảo hộ quốc gia. Quan niệm tín ngưỡng đức Văn Thù ở Ngũ Đài Sơn vì thế được phổ cập khắp nơi và Ngũ Đài Sơn bỗng trở thành một nơi Linh nghiệm Đạo Tràng của toàn thể quốc dân.

III. Vai Trò và Ý Nghĩa của Bồ Tát Văn Thù Trong Kinh Điển Đại Thừa.

Mặc dù cho đến nay các nhà nghiên cứu Phật học vẫn chưa có được một lời giải đáp thỏa đáng về nguồn gốc, xuất xứ của Bồ Tát Văn Thù nhưng một điều mà không ai có thể phủ

nhận được là hình ảnh của Ngài đã xuất hiện rất sớm trong các kinh điển Phật ngữ, mở đầu cho giai đoạn hưng khởi của truyền thống Phật giáo Đại Thừa. Cụ thể như sáu trong số chín bộ kinh đầu tiên mà Ngài Chi Ca Lô Sấm đã phiên dịch ra tiếng Trung quốc vào thế kỷ thứ 2 CE, nay vẫn còn tồn tại, đều có đề cập đến sự hiện diện của Bồ Tát Văn Thù (10). Điều này đã cho thấy vai trò và ý nghĩa quan trọng của vị Bồ Tát được tôn xưng là Đại Trí, mà với biện tài vô ngại thường là nhân vật được chọn để đứng ra lý giải những phạm trù tinh yếu cốt lõi của triết lý đạo Phật như Tánh Không, Bát Nhị, Chân Đế,... được quảng diễn trong các kinh điển Đại Thừa. Được tuyên xưng là Thái tử của Đấng Pháp Vương, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi có lúc chính thức thay mặt Đức Bản Sư diễn nói Chánh pháp mà pháp âm của Ngài vang động khắp cả tam thiên đại thiên thế giới khiến cho tất cả các cõi Trời, người, mọi loài chúng sanh đều được thấm nhuần mưa pháp, hưởng được lợi lạc. Vai trò này của Bồ Tát đã được thể hiện nổi bật nhất trong các bộ kinh “Văn Thù Sư Lợi Nói Về Cảnh Giới Bất Tư

Nghị của Phật”, Duy Ma Cật và Thủ Lăng Nghiêm. Cũng có lúc Bồ Tát lại đóng vai trò làm người phát ngôn, giới thiệu chương trình, long trọng cảnh báo cho đại chúng biết Đức Thế Tôn bắt đầu thuyết giảng một thời pháp quan trọng như trong kinh Pháp Hoa, hoặc là một vị thiện trí thức đưa ra những lời khuyên thiết thực và quý báu cho những hành giả đang xả thân cầu Bồ Tát đạo như trong kinh Hoa Nghiêm. Ta sẽ lần lượt điểm qua vai trò của Bồ Tát Văn Thù trong các bộ kinh trọng yếu này của Đại Thừa.

1. Tuyên Dương Diệu Pháp.

Trong kinh “Văn Thù Sư Lợi Nói Về Cảnh Giới Bất Tư Nghị của Phật”, chính Đức Thế Tôn đã trân trọng giới thiệu với đại chúng biện tài vô ngại của Bồ Tát Văn Thù và yêu cầu Ngài tuyên dương diệu pháp:

“Tôi nghe như vậy :

Một thời Đức Phật ở tại vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây ông Kỳ Đà, nước Xá Vệ, cùng với chúng đại Tỳ kheo là một ngàn vị và Bồ

tát là mười ngàn vị, lại có chư Thiên tử của Đục giới, chư Thiên tử của Sắc giới và Thiên tử của trời Tịnh Cư, cùng với quyến thuộc của họ nhiều vô lượng trăm ngàn đang bao quanh để cúng dường cung kính, nghe Phật nói pháp.

Bấy giờ đức Phật bảo Bồ tát Văn Thù Sư Lợi:

- Này đồng tử ! Người có biện tài, khéo có thể khai diễn. Nay người nên vì đại chúng Bồ tát tuyên dương diệu pháp.” (11)

Tuy là một bộ kinh ngắn nhưng nội dung kinh “Văn Thù Sư Lợi Nói Về Cảnh Giới Bát Tư Nghị của Phật” hàm chứa một ý nghĩa vô cùng quan trọng: Đây là một tuyên ngôn của lý tưởng Bồ Tát Đạo được công bố bởi một vị đại Bồ tát đại biểu cho trí tuệ. Khi Kinh Pháp Hoa nói rằng Đức Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên, đại sự nhân duyên đó là gì nếu không phải là nỗi khổ đau của tất cả chúng sanh? Thế nên cảnh giới của chư Phật không thể tìm cầu ở những cõi Niết Bàn tịch tịnh hay Tịnh Độ trang nghiêm mà phải chính ở ngay trong những nỗi phiền não, khổ đau đó:

- “**Này đồng tử ! Phải cầu cảnh giới chư Phật ở đâu ?**

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thưa :

- **Bạch Thế tôn ! Cảnh giới của chư Phật phải cầu ở trong phiền não của tất cả các chúng sanh. Vì sao vậy ? Nếu chơn chánh hiểu rõ phiền não của chúng sanh, đó chính là cảnh giới của Phật vậy. Sự chánh hiểu rõ phiền não của chúng sanh này là cảnh giới của Phật, đó chẳng phải là chỗ sở hành của tất cả Thanh văn, Bích Chi Phật vậy.”**

Cũng trong bộ kinh này, một phạm trù thậm thâm uyên áo của triết lý đạo Phật - hệ tư tưởng Bát Nhã - mà sau này Bồ tát Long Thọ dùng làm cơ sở nền tảng xây dựng Trung Quán Luận là Triết học Tánh Không, pháp môn Bát Nhị cùng mối tương quan giữa Nhị Đế - Chân Đế và Tục Đế- đã được lược gươm vàng trí tuệ của Bồ Tát Văn Thù chặt tung những đám mây mù của tà kiến, nghi hoặc, khi Ngài trả lời Đức Thế Tôn về ý nghĩa của “pháp sở trụ bình đẳng của Như Lai”:

“Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thưa :

- Bạch Thế tôn, tất cả phàm phu đối với pháp không, vô tướng, vô nguyện, khởi lên tham sân si, cho nên chỗ khởi lên tham sân si của tất cả phàm phu chính là pháp sở trụ bình đẳng của Như Lai.

Đức Phật bảo :

- Nay đồng tử ! Với cái không, há lại có pháp mà nói ở trong đó có tham sân si sao ?

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thưa :

- Bạch Thế tôn, không là có nên tham sân si cũng là có.

Đức Phật nói :

- Nay đồng tử ! Tại sao không là có ? Lại vì sao tham sân si là có ?

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thưa :

- Bạch Thế tôn ! Không, vì dùng lời nói (diễn đạt) cho nên có; tham sân si cũng vì dùng lời nói diễn đạt cho nên có. Như đức Phật nói với tỳ kheo: “ Hữu không sanh, không khởi, vô tác, vô vi, chẳng phải các pháp hành ấy, chẳng phải chẳng có. Nếu là không có thì nó phải đối với pháp sanh khởi, tác vi các hành, thì lẽ đáng phải không xuất ly. Vì có cho nên nói là không xuất ly vậy “. Điều này cũng

vậy, nếu không có không, thì đối với tham sân si không có sự xuất ly được. Vì có không cho nên nói là tham sân si ... các phiền não.

Đức Phật nói :

- Nay đồng tử ! Như vậy, như vậy ! Như điều người nói, tham sân si ... tất cả phiền não, chẳng có cái nào mà chẳng ở trong cái không.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi lại bạch Phật :

- Bạch Thế tôn ! Nếu người tu hành xa lìa tham sân si ... mà cầu nơi không, nên biết người đó chưa khéo tu hành, không thể gọi là người tu hành được. Vì sao vậy ? Vì tham sân si ... tất cả phiền não tức là không vậy.

» (12)

Mục tiêu, lý tưởng của Bồ Tát đạo không phải chỉ là để vượt qua vòng sanh tử, đạt đến cảnh giới Niết bàn mà là hoàn thành Phật đạo để cứu độ chúng sanh. Trên con đường tìm cầu giác ngộ, hành giả không thể không ươm trồng bồ đề tâm đồng thời trui rèn cho mình trí tuệ Bát Nhã. Đó là con đường tất yếu. Con đường này đã được Bồ Tát Văn Thù khẳng định lại

một lần nữa khi trả lời Tôn giả Tu Bồ Đề, đại biểu cho hàng Thanh Văn, khi Tôn giả lo ngại rằng thuyết giảng những tư tưởng thậm thâm uyên áo sẽ không mang lại lợi ích gì cho kẻ sơ cơ:

« Tu Bồ Đề nói :

- Nay đại sĩ ! Nay ngài thuyết pháp có thể không đưa đến sự che chở tâm kẻ sơ học chăng ?

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi đáp :

- Nay đại đức ! Nay tôi hỏi ngài, tùy ý trả lời. Như có vị lương y muốn điều trị bệnh nhân, vì muốn che chở tâm của bệnh nhân nên không cho những vị thuốc có vị cay, chua, mặn, đắng thích ứng với con bệnh. Vậy có thể làm cho người bệnh được lành bệnh, được an lạc chăng ?

Thưa rằng :

- Không thể được.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi nói :

- Nay đại đức ! Điều này cũng như vậy. Nếu vị thầy thuyết pháp vì muốn che chở tâm kẻ sơ học nên giấu kín pháp thậm thâm không nói

ra, mà tùy theo ý muốn kẻ ấy, chỉ diễn nói ý nghĩa thô thiển để làm cho kẻ học giả ra khỏi khổ sanh tử, đến cái vui Niết bàn, điều đó không bao giờ có. » (13)

2. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi

Giảng Pháp Môn Bất Nhị Trong Kinh Duy Ma Cật

Vai trò tuyên dương diệu pháp của Bồ Tát Văn Thù một lần nữa được thể hiện trong kinh « Duy Ma Cật ». Trưởng giả Duy Ma Cật là một cư sĩ tại gia nhưng tu hành chứng đắc, mật hạnh viên thông mà ngay cả những bậc đại đệ tử của Phật cũng không có vị nào sánh bằng. Ông cư trú tại thành Tỳ Da Li (Vaishali) như là một nhà thương gia giàu có và đồng thời là một nhân sĩ uy tín tại địa phương. Một hôm vì muốn tạo cơ duyên để hoằng pháp lợi sanh, ông đã mượn cớ bị bệnh để tạo dịp cho các vị quốc vương, quan chức, dân chúng đến thăm và nhân cơ hội đó giảng giải giáo lý cho họ. Đức Thế Tôn biết rõ căn « bệnh » của ông nên

đã lần lượt yêu cầu các vị đại đệ tử thay mặt mình đi thăm bệnh ông Duy Ma Cật. Thế nhưng tất cả những vị đại đệ tử của Phật trong quá khứ đã từng bị trưởng giả Duy Ma Cật chất vấn về tâm pháp và sở học mà không một ai trả lời trôi chảy trước kiến thức Phật pháp uyên thâm và biện tài vô ngại của ông nên đều sợ hãi từ chối. Bệnh của trưởng giả Duy Ma Cật là « bệnh Bồ Tát » -vì chúng sanh bệnh nên Bồ tát bệnh- thế nên người có đủ tư cách để thăm bệnh ông, không ai khác hơn ngoài vị Đại Trí Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi :

**« Lúc bấy giờ, Phật bảo Văn Thù Sư Lợi :
- Nay Văn Thù Sư Lợi, Ông nên thay tôi đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.**

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn ? Bực cư sĩ trí thức kia khó bề đối đáp, vì ông ấy rất thâm đạt thật tướng, khéo nói pháp mầu, trí tuệ vô ngại, biện tài thông suốt, rõ thấu phương pháp tu trì của tất cả Bồ Tát, thâm nhập kho tạng bí mật của Chư Phật, hàng phục các ma, thần thông tự tại và trí tuệ phương tiện đều đặn rất ráo.

Tuy thế, con xin vưng thánh chỉ của Phật đến thăm bịnh ông.

Lúc ấy, trong Đại chúng các hàng Bồ Tát và hàng Đại đệ tử, Đế Thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương đều nghĩ rằng : “Hôm nay hai vị đại sĩ : Văn Thù Sư Lợi và Duy Ma Cật cùng nhau đàm luận tất nói pháp mầu”. Tức thời, tám nghìn Bồ Tát, năm trăm Thanh Văn và trăm nghìn Thiên nhơn đều muốn đi theo.
» (14)

Mọi người nô nức muốn đi theo là phải, vì họ chờ đợi một cuộc tranh luận sôi nổi về giáo pháp sẽ xảy ra giữa hai nhân vật kiệt xuất này, một đại biểu cho hàng trí tuệ Bồ Tát và một đại biểu cho hàng cư sĩ tại gia lỗi lạc, mà qua đó chắc chắn sẽ đem lại nhiều điều lợi ích thực tiễn cho việc tu học của mình. Nội dung của cuộc đàm luận giáo pháp quan trọng này giữa Bồ Tát Văn Thù và Trưởng giả Duy Ma Cật đã diễn ra trong tất cả sáu phẩm của bộ kinh, mà quan trọng nhất là trong các phẩm: Phật Quả và Pháp Môn Bất Nhị.

Trong Phẩm Phật Quả, ta gặp lại một lần nữa tư tưởng hàm chứa trong kinh “Văn Thù Sư Lợi Nói Về Cảnh Giới Bất Tư Nghị của Phật »: Cảnh giới của Như Lai là phiên não. Đây là tư tưởng mà sau này Lục Tổ Huệ Năng đã phát biểu một cách cụ thể hơn: « Phiên não tức Bồ đề ». Ta không đi tìm cầu Bồ đề ở nơi nào khác ngoài chốn trần gian khổ lụy này vì chính từ trong đồng bùn nhơ của phiên não, đóa hoa sen tinh khiết sẽ nảy mầm. Ta hãy nghe Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi trả lời câu chất vấn của Trưởng giả Duy Ma về «hạt giống Như Lai» :

« Bấy giờ, Duy Ma Cật hỏi Văn Thù:

-Thế nào là hạt giống Như Lai?

Đáp:

-Có thân là hạt giống Như Lai. Vô minh có ái là giống, tham sân si là giống, tứ điên đảo là giống, ngũ cái (ngũ dục) là giống, lục nhập là giống, thất thức xứ là giống, bát tà pháp là giống, cửu não là giống, thập bất thiện đạo ... là giống. Nói tóm lại, sáu mươi hai kiến chấp và tất cả phiên não đều là hạt giống Phật.

Hỏi:

-Tại sao?

Đáp:

-Nếu kẻ thấy vô vi vào chánh vị thì chẳng thể còn phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề nữa. Ví như chỗ gò cao chẳng thể sanh hoa sen, mà nơi bùn lầy ẩm thấp mới sanh hoa sen. Cũng thế, kẻ thấy pháp vô vi vào chánh vị thì chẳng còn có thể sanh khởi Phật pháp, trong bùn lầy phiền não mới có chúng sanh sanh khởi Phật pháp thôi. Như gieo giống nơi hư không thì chẳng thể sanh khởi, ở đất phân bùn mới tốt tươi được. Cũng thế, kẻ vào vô vi chánh vị chẳng sanh khởi Phật pháp, kẻ có ngã kiến như núi Tu Di còn có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, sanh khởi Phật pháp. Nên biết tất cả phiền não là hạt giống Như Lai, ví như chẳng xuống biển cả thì chẳng được bửu châu vô giá. Cũng thế, chẳng vào biển phiền não thì chẳng thể đắc ngọc báu Nhất Thiết Trí vậy. » (15)

Đọc xong bộ kinh Duy Ma Cật, có người sẽ hoang mang tự hỏi: Có thể có một nhân vật

tuyệt vời như thế chẳng? Có một nhân vật lịch sử như thế chẳng, hay đây chỉ là một nhân vật hư cấu để biểu tượng một tư tưởng triết học hay một lý tưởng Bồ tát đạo của Phật giáo Đại thừa?

« Có thể trả lời một cách dứt khoát rằng đó là một nhân vật lịch sử, xuất hiện trong một giai đoạn đặc biệt của lịch sử phát triển Phật giáo nói chung, và trong thời kỳ vận động của Đại thừa.

Một con người có thật được trang bị với một cơ sở tư tưởng bất nhị (advaita) để có thể tự nâng lên hàng Thánh giả vượt ngoài tam giới nhưng đồng thời có thể hạ mình ngập lụt trong thế gian ô nhiễm mà vẫn không tách lìa thế giới thuần tịnh vô nhiễm. » (16)

Chủ điểm nền tảng của kinh Duy Ma Cật là triển khai nhận thức về thực tại trên căn bản của nguyên lý bất nhị, tức hệ tư tưởng tánh Không của Bát Nhã. « Nguyên lý bất nhị hướng dẫn nhận thức khởi đi từ những thực tại sai biệt mà khám phá ra thực tại tối hậu là Tuyệt đối thể ngay trong các tồn tại sai biệt ấy.

Để nhận thức được thực tại chân thực, bồ tát cần đi qua cánh cửa bất nhị... » tức là « cánh cửa giao thông cho Bồ tát qua lại giữa niết bàn và sinh tử. Nếu không được trang bị bằng nguyên lý bất nhị, Bồ tát sẽ không đủ nghị lực và dũng mãnh để trụ vững trên bồ đề tâm ».

(17)

Tư tưởng Bất Nhị quan trọng như thế nên trong kinh Duy Ma Cật đã được nâng lên thành một Pháp Môn, và không ai đầy đủ năng lực trí tuệ để nói về pháp môn này ngoài Ngài Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát. Đây là nguồn cảm hứng sâu xa cho các Thiền gia Trung quốc sau này, trong một trăm công án của « Bích Nham Lục » có công án thứ 84, « Duy Ma Bất nhị môn », được xây dựng từ phẩm « Bất Nhị Pháp Môn » của kinh Duy Ma Cật:

***«Bấy giờ, Duy Ma Cật bảo các Bồ Tát rằng:
-Các nhơn giả! Bồ Tát làm sao nhập pháp môn bất nhị? Hãy tùy sở ngộ của mình mà nói ra.***

...

Các Bồ Tát mỗi mỗi đã nói xong như trên, rồi hỏi Văn Thù: Thế nào là nhập pháp môn bất nhị của Bồ Tát?

Văn Thù đáp:

-Theo ý tôi, nơi tất cả pháp vô ngôn vô thuyết, vô thị vô thức, là nơi vấn đáp. Ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Khi đó Văn Thù hỏi Duy Ma Cật rằng:

-Chúng tôi mỗi mỗi đã tự nói xong. Nay đến lượt Nhơn giả nói: "Thế nào là nhập pháp môn bất nhị của Bồ Tát?"

Duy Ma Cật im lặng. Văn Thù tán thán rằng:

-Lành thay! Lành thay! Cho đến chẳng có văn tự, lời nói mới là chơn nhập pháp môn bất nhị.

Khi thuyết phẩm này rồi, ở trong chúng có năm ngàn vị Bồ Tát đều nhập pháp môn bất nhị, đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. » (18)

Ta hãy nghe lời bàn trong Bích Nham Lục: « Lúc đó, Duy Ma Cật đối với Ngài Văn Thù Sư Lợi và các vị Bồ Tát tùy tùng tới thăm bệnh, ngài liền hỏi các vị Bồ Tát, thế nào là

Bồ Tát nhập bất nhị pháp môn. Các Bồ tát tùy tòng từ người thứ nhất đến người thứ 32 đã lần lượt đáp về câu hỏi này, nhưng Duy Ma cư sĩ đều không hài lòng về các câu trả lời.

Cuối cùng tới Ngài Văn Thù, đối với câu hỏi này đem trình bày: Từ trước các vị Bồ Tát trình bày về: « Bất Nhị Môn » đều chỉ đề cử về 2 pháp cho đó là bất nhị. Nhưng bất nhị là cảnh giới của « Đại trí tuệ bình đẳng », vốn dĩ 2 cũng không và 3 cũng không. Đó chỉ là phần lý luận, đã là lý luận thì có hơn thua, nên ngài tâm đắc được câu hỏi « Bất nhị môn » của Duy Ma. Ngài nói với Duy Ma, theo như tôi thì « phải xa lìa mọi vấn đáp, không nói, không thuyết, vô thị, vô thức, đó là nhập bất nhị pháp môn ». Nếu nói tới pháp môn bất nhị này thì phải xa lìa hẳn ngôn thuyết ở cảnh giới vong ngôn, tuyệt tự, không thể đem hết thấy ngôn thuyết của hết thấy pháp mà hiểu rõ được, và cũng không thể chỉ bảo được, cũng không thể biết được, không thể hỏi và trả lời được, thời đó là « pháp môn bất nhị ». Lời đáp này của ngài Văn Thù, không thấy vương chỗ « nhị » và « bất nhị » tức là nơi thấy biết của đại trí

tuệ bình đẳng.

Tiếp đó ngài Văn Thù đối với Duy Ma cư sĩ, hỏi: Chúng tôi tất cả 32 người đều đã trình bày về «Bồ Tát nhập bất nhị pháp môn» rồi, nay xin hỏi về chỗ kiến giải của cư sĩ. Tức là ý phản vấn của Ngài Văn Thù. Lúc ấy cư sĩ Duy Ma «lặng thinh không đáp». Ngài Văn Thù thấu suốt ngay được ý của cư sĩ Duy Ma liền tán thán rằng: Tốt lắm thay! tốt lắm thay! «Không có văn tự ngôn ngữ là chân bất nhị pháp môn». (19)

3. Lưỡi Kiếm của Bồ Tát Văn Thù Trong Hệ Tư Tưởng Bát Nhã: Phùng Phật Sát Phật!

Hệ tư tưởng Bát Nhã với triết lý Tánh Không được coi như là xương sống của tư tưởng Phật giáo Đại Thừa. Mục tiêu của Đại Thừa là hoàn thành Bồ tát đạo cũng đồng nghĩa với thực chứng Tánh Không. Con đường dẫn đến Bát Nhã Ba La Mật phải được khởi đi từ nỗ lực loại trừ ý thức phân biệt. Nhưng Bát Nhã Ba La Mật là gì? Ta hãy nghe Bồ Tát Văn Thù

giải thích trong kinh «Bát Nhã Thất Bách
Tụng» (Saptasatika Prajnaparamita) :

*« Phật hỏi : Này Văn Thù Sư Lợi, Ông có
bao giờ quán về các pháp của một vị Phật ?
Bồ Tát Văn Thù thưa: Bạch Thế Tôn, không.
Nếu con có thể trông thấy được thành tựu
đặc biệt của những pháp của một vị Phật,
con sẽ lập tức quán chiếu. Nhưng bạch Đức
Thế Tôn, sự phát triển của Bát nhã Ba La
Mật không hề được đặt cơ sở trên ý thức
phân biệt về pháp để rồi nói rằng, «những
cái này là pháp của kẻ phàm phu, những cái
kia là pháp của hàng tỳ kheo, những cái này
là pháp của Thanh văn Duyên Giác, những
cái kia là pháp của bậc Giác ngộ.» Vị thiện
nam tử khi buông bỏ tất cả để đi vào đại định
cầu khai mở trí tuệ bát nhã không phải chỉ
để nắm bắt cái pháp giúp y có thể phân biệt
được cái pháp này là pháp phàm phu, pháp
kia là pháp của kẻ tu hành, hay là của kẻ
giỏi giang, hay của bậc hoàn toàn giác ngộ.
Bởi vì tuyệt đối không hề có những pháp
như thế, con không quán chiếu chúng, như
vậy, bạch Đức Thế Tôn, đó mới gọi là phát*

triển trí tuệ bát nhã... Lại nữa, bạch Đức Thế Tôn, sự khai triển trí tuệ bát nhã không hề mang lợi lạc cũng như không hề làm phương hại đến các pháp. Trí tuệ bát nhã, khi được khai triển không là kẻ mang ân sủng cho các pháp của một vị Phật cũng không là kẻ huỷ diệt các pháp của kẻ phạm phu. Chỉ như thế, bạch Đức Thế Tôn, mới gọi là phát triển trí tuệ bát nhã, nó không ngăn chặn những pháp của kẻ phạm phu hay thu nhận những pháp của một vị Phật. Đức Phật tán thán : Hay lắm ! Hay lắm ! Ông Văn Thù Sư Lợi. Ông là người hiểu pháp này một cách sâu sắc. » (20)

Trong một bộ kinh khác, «Thiên Vương Susthitamati Văn Pháp » (Susthitamati devaputra pariprcha), Bồ Tát Văn Thù đã giảng giải về trí tuệ bát nhã cho Thiên vương Susthitamati nghe khi ông này ngỏ ý muốn cùng được chuyên tu hạnh đức với Bồ tát:

Bồ Tát Văn Thù: Nay Thiên vương, nếu bây giờ ông có thể lấy hết mạng sống của tất cả mọi chúng sanh mà không cần phải dùng đến dao, đến gậy, đến dùi cui, đến gạch đá,

tôi sẽ cùng tu tập hạnh đức với ông.

Susthitamati: Bạch đại thánh giả, tại sao ngài lại nói như vậy ?

Bồ Tát Văn Thù trả lời: Này Thiên Vương, ông nghĩ như thế nào về chúng sanh ?

Susthitamati: Bạch đại thánh giả, theo tôi, chúng sanh cũng như vạn pháp chỉ là cái danh xưng chứ chẳng là cái gì cả. Tất cả đều chỉ là do ý tưởng tạo ra.

Bồ Tát Văn Thù: Này Thiên vương, thế nên tôi mới nói là ông nên giết chết cái ý niệm về ngã, về bản thể của một chúng sanh, của một sanh mạng, loại trừ luôn cả những ý niệm về danh của chúng. Ông hãy giết bằng cách thức như thế.

Susthitamati hỏi: Bạch đại thánh giả, ta phải dùng phương tiện gì để giết chúng ?

Bồ Tát Văn Thù trả lời: Này Thiên vương, Tôi luôn luôn giết chúng bằng lưỡi gươm bén của trí tuệ. Trong sát hành này, ta phải cầm chặt lưỡi gươm bén của trí tuệ và hạ thủ trong một cung cách không còn ý niệm về việc cầm gươm và không cả sát niệm. Này Thiên vương, với cách thức như thế, ông sẽ

hiếu một cách sâu sắc rằng giết chết những ý niệm về ngã, về chúng sanh tức là thực sự giết hết mọi chúng sanh. Nếu ông làm được như thế, tôi sẽ cho phép ông cùng tu tập hạnh đức với tôi. » (21)

Chính từ mẫu đối thoại này, cuốn kinh đã dẫn đến một bầu khí trong đó Đức Phật đã vận dụng Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi qua một hành động đầy kịch tính là cầm gươm toan giết Phật, tạo một sự tác động mạnh mẽ lên 500 vị Bồ Tát đang thối chuyển vì đã không thể quên được những tác hành tiêu cực trong quá khứ, khiến họ đắc quả Vô Sanh Pháp Nhân:

« Lúc này, để giúp cho 500 vị Bồ tát trong đại chúng loại trừ ý thức phân biệt, Đức Thế Tôn đã vận dụng thần thông tạo truyền cảm ứng cho Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi khiến Bồ Tát đã từ trong đại chúng đứng dậy, sửa lại tăng bào, trật vai áo phải, cầm lưỡi gươm bén trong tay, tiến thẳng đến Đức Thế Tôn để giết Ngài.

Thấy vậy, Đức Phật vội vàng bảo Bồ Tát Văn Thù: Hãy ngưng ! Hãy dừng tay ! Ông Văn Thù Sư Lợi ! Không được làm chuyện quấy.

Không được giết ta theo kiểu cách như vậy. Nếu ông cần phải giết ta, trước tiên ông phải nên biết cách thức tốt nhất để giết. Tại sao? Bởi vì, này ông Văn Thù Sư Lợi, ngay từ ban đầu đã không có ngã, có nhân, có tha nhân; ngay khi một người nhận thức rằng không có sự hiện hữu của tự ngã, của bản sắc cá nhân, chính họ đã giết ta; như vậy mới gọi là giết ». (22)

Nội dung của đoạn kinh này đã dẫn đến công án « Phùng Phật Sát Phật » nổi tiếng của Thiền tông Trung Hoa và có thể là nguồn cảm hứng cho các nghệ nhân khi miêu tả Bồ Tát Văn Thù trên tay cầm lưỡi gươm trí tuệ bốc lửa.

4. Kinh Thủ Lăng Nghiêm:

Bồ Tát Văn Thù Chỉ Rõ Pháp Tu Siêu Việt Để Tổ Ngộ Chơn Tâm

Trong các bộ kinh Đại thừa, Kinh Lăng Nghiêm là một bộ kinh rất quý, quý đến độ ngày xưa các vị vua Ấn Độ xem đây như là một bảo vật trấn quốc, cấm không cho truyền bá ra nước ngoài. Sau này một vị Thánh Tăng Ấn Độ là ngài Bát Thích Mật Đế (còn gọi là

Bất La Mật Đế) đã phải viết kinh vào miếng lụa mỏng, xẻ thịt bắp về nhét vào mới mang thoát ra khỏi nước đem vào Trung quốc dưới thời nhà Đường. Ngài Bát Thích Mật Đế may mắn gặp được một vị đại quan hết lòng hộ pháp là Thừa tướng Phòng Dung, khuyên khích ngài dịch ra Hán văn cùng với Sa môn Di Già Thích Ca người nước U Trường dịch lời, còn Thừa Tướng Phòng Dung thì đích thân lãnh việc nhuận sắc, thế nên bộ Kinh Lăng Nghiêm ngoài nghĩa lý cao thâm, văn chương cũng rất trác tuyệt.

Nguyên nhân Phật thuyết Kinh Lăng Nghiêm là vì Tôn giả A Nan trên đường đi khát thực không may đã đi vào nhà một tín nữ ngoại đạo thông thạo chú thuật là Ma Đăng Già. Vì Tôn giả A Nan là người có dung mạo rất tuấn tú khiến Ma Đăng Già vừa mới gặp gỡ đã rất quyến luyến yêu thương nên trở tài huyền thuật bắt giữ A Nan và dụ dỗ ngài sa ngã vào đường xác thịt. Đức Phật biết A Nan đang mắc nạn liền nói thần chú Lăng Nghiêm rồi bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi mang thần chú này đến chỗ Ma Đăng Già để phá trừ tà chú cứu nạn

cho A Nan.

Đây là một bài học cho Tôn giả A Nan. Ông học rộng, biết nhiều nhưng chẳng hề chịu tu niệm nên không có định lực và do đó không thoát khỏi bùa chú, pháp thuật của tà ma ngoại đạo. Buồn rầu và hối hận, Tôn giả A Nan đã thỉnh cầu Đức Thế Tôn chỉ cho ông một pháp tu có thể mau chóng đạt thành đạo quả.

Thương xót A Nan, cũng như thương xót chúng sanh còn mãi trôi lăn trong sanh tử, mê lầm, Phật đã chỉ ra một con đường đi đến giác ngộ nhanh chóng nhất, chắc chắn nhất mà chư Phật mười Phương đã từng tu hành và chứng đắc. Đó là con đường loại trừ **VỌNG TÂM** -tức là tâm phân biệt- để làm tỏ ngộ bản thể **CHƠN TÂM**, tức cái **TÂM** thường trụ, thanh tịnh, bất sanh bất diệt. Đó chính là chủ đề của Pháp hội Thủ Lăng Nghiêm.

Pháp hội Thủ Lăng Nghiêm là một « Hội khai thị pháp chưa từng có, nghĩa lý thâm sâu, diệu âm thuyết pháp vang khắp mười phương thế giới », được diễn ra tại tịnh xá Kỳ Hoàn thành Thất La Phiệt, quy tụ "chúng Đại Tỳ Kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là Đại A La

Hán, đã ra khỏi luân hồi, đầy đủ oai nghi, giúp Phật hoằng pháp nơi các quốc độ, trì giới thanh tịnh, làm mô phạm cho tam giới, ứng hiện vô số thân, hóa độ chúng sanh đến cùng tốt vị lai ra khỏi trần lao. Hàng đệ tử được phó chúc trụ trì Phật pháp gồm có: Đại Trí Xá lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Si La, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, Ưu Ba Ni Sa Đà v.v... là bậc thượng thủ, và có vô số Bích Chi với môn đồ đồng đến nơi Phật cùng các Tỳ Kheo mãn hạ tự tứ...cùng hàng sa Bồ Tát đều đến tụ họp, trong đó Văn Thù Sư Lợi là bậc Thượng thủ. » (23)

Sau bảy lần được Phật khai thị, phá bỏ vọng thức bị nhận lầm là tâm, và mười phen chỉ rõ cái tánh thấy biết của con người—không phải là cái thấy biết ở giác quan, Tôn giả A Nan và đại chúng trí tuệ được thông suốt, nhận rõ rằng chúng sanh trôi nổi trong vòng sanh tử luân hồi hay chúng được đạo quả Bồ đề an vui giải thoát cũng đều là do ở sáu căn. Trong niềm hân hoan của Pháp hội, đại chúng đã trình lên Phật một vấn nạn cuối cùng, một câu hỏi cụ thể : Như vậy, trong sáu căn này thì nên tu theo

căn nào để đạt được viên thông ? Để trả lời câu hỏi này, Đức Thế Tôn đã yêu cầu đại chúng – các bậc A la Hán, các vị Bồ Tát- hãy trình kiến giải của mình cũng như cho đại chúng biết là họ đã tu theo phương tiện nào mà thành được đạo quả. Lúc này 25 vị Bồ Tát, A La Hán hàng đầu có mặt trong Pháp hội đã trình lên Phật những kinh nghiệm tu chứng của mình. Hai mươi lăm vị là hai mươi lăm kinh nghiệm tu chứng khác nhau, mà pháp tu nào cũng hay, cũng đều đưa đến giải thoát rốt ráo cả, điều này quả thật làm cho đại chúng bối rối, khó chọn lựa.

Đến đây ta thấy Phật hoàn toàn tin cậy vào trí tuệ của Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát để giải quyết vấn đề:

« Lúc đó, Như Lai bảo Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử rằng:

Ngươi hãy xem 25 vị vô học Đại Bồ Tát và A La Hán này, mỗi mỗi trình bày phương tiện thành đạo lúc ban đầu, đều nói tu tập viên thông chơn thật, lỗi tu của họ thật chẳng hơn kém và chẳng trước sau sai biệt. Nay ta muốn khiến A Nan khai ngộ, trong 25 lỗi tu,

lỗi nào thích hợp, và sau khi ta diệt độ, chúng sanh trong cõi này muốn vào Bồ Tát thừa, cầu đạo Vô Thượng, từ cửa phương tiện nào để được thành tựu? » (24)

Vâng lời Phật, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đã đúc kết nội dung của Pháp Hội, ban cho Tôn giả A Nan và đại chúng một thời pháp vô cùng quan trọng

« A Nan, Ông nên chú ý nghe : Tôi vâng oai thần của Phật, nói pháp môn tu hành này. Ông đem cái nghe của ông, nghe tất cả pháp môn thâm mật của chư Phật, nhiều như vi trần nếu các phiền não dục lậu không trừ thì cái nghe càng thêm lầm lỗi. Ông biết đem cái nghe của ông, nghe các pháp môn của chư Phật, sao ông không đem cái nghe đó, trở lại nghe « tánh nghe » (chơn tánh) của mình. A Nan, « cái nghe » nó không phải tự nhiên sanh, do có tiếng (thính trần) nên mới gọi rằng « nghe ». Nếu xoay cái nghe trở vào tự tánh, không chạy theo tiếng, thế là thoát ly được cái tiếng (thính trần), lúc bấy giờ cái nghe này cũng không còn gọi tên là nghe nữa (vì không còn đối đãi nên chẳng có tên

kêu gọi). Một căn (lỗ tai) đã được phản vọng trở về chơn rồi, thì cả sáu căn cũng đều được giải thoát.

A Nan, các cảm giác : thấy, nghe, hay, biết của ông đó, đều là hư huyễn, như con mắt bị nhặm. Còn ba cõi sum la vạn tượng đây, cũng không thật, đều như hoa đóm giữ hư không. Khi cái thấy, nghe, hay, biết xoay trở lại chơn rồi, thì cũng như con mắt kia hết nhặm. Khi các vọng trần tiêu hết thì tâm ông được thanh tịnh.

Khi tâm hoàn toàn thanh tịnh rồi, thì cái trí quang sáng suốt hiện ra. Lúc bấy giờ chơn tâm ông vừa tịch tịnh lại vừa chiếu soi, bao trùm khắp cả mười phương hư không thế giới, lúc bấy giờ ông trở lại xem cảnh vật hiện tiền ở thế gian này, cũng như là việc trong chiêm bao. Khi ông được như thế rồi thì nàng Ma Đăng Già ở trong mộng kia làm gì bắt ông được !

A Nan, ví dụ như các nhà huyễn thuật làm các thứ hình, tuy có thấy cử động, nhưn gốc yếu là tại cái máy rút. Nếu máy kia thôi rút, thì các huyễn kia yên lặng, đều không có tự

tánh.

Sáu căn của ông cũng thế, gốc từ nơi tâm, vì vô minh vọng động thành ra sáu căn, nếu một căn được phản vọng về chơn rồi, thì sáu dụng kia (sáu giác quan) đều không thành. Nếu trần cấu còn thì ông vẫn còn ở địa vị hữu học (còn phải tu). Khi trần cấu hết, thì tâm tánh ông được hoàn toàn sáng suốt, đó là Phật.

A Nan, ông chỉ xoay cái nghe của mình trở về chơn tánh, không chạy theo phân biệt vọng trần bên ngoài, thì ông liền thành đạo vô thượng, đây thật là pháp tu viên thông. Các đức Phật nhiều như số vi trần cũng đều do một con đường này mà đến cửa Niết bàn. Hiện tại các vị Bồ tát và những người tu hành đời sau, đều y pháp môn này mà thành đạo. Chính tôi cũng nhờ pháp môn này mà được chứng quả, đâu phải mộ mình Ngài Quán Âm tu mà thôi.

Nay Phật dạy con lựa pháp môn tu hành, để cho người đời sau tu hành mau thành đạo quả, thì duy chỉ có pháp tu của Ngài Quán Âm là hơn hết. Còn bao nhiêu các pháp tu

hành khác, đều nhờ oai thần của Phật gia hộ mới được thành tựu. Các pháp ấy đều từ nơi sự tướng mà dẹp trừ trần lao, nên không phải là một phương pháp trường kỳ tu tập. Kính lay Đức Như Lai, xin Ngài gia hộ cho chúng sanh đời sau, đối với pháp môn này không còn mê lầm. Bạch Thế Tôn, phương pháp này rất là dễ tu, mau được thành đạo quả, có thể đem dạy A Nan và chúng sanh đời sau, y theo đây tu hành thì hơn các phương pháp khác. Đây là do lòng thành thật của con lựa chọn như thế.» (25)

Thật là một pháp môn tu chứng hoàn toàn—giải thoát rốt ráo—mà Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đã thay mặt Phật diễn nói trong kinh Lăng Nghiêm, mang lại vô số lợi lạc cho tất cả các chúng Thiên, Long, Bát bộ, các hàng Nhị thừa hữu học, các vị Bồ tát mới phát tâm nhờ đó mà tỏ ngộ được chơn tâm. Và tất cả chúng ta, không phân biệt căn cơ mau chậm, không phân biệt tuổi tác và hoàn cảnh, mọi người, mọi giới và mọi lúc đều có thể áp dụng hạ thủ công phu một cách liên tục pháp môn này để tiến đến giải thoát hoàn toàn. Bồ Tát Văn Thù như thế,

quả thật xứng đáng được tuyên xưng là vị Pháp Vương Tử tuyên dương diệu pháp.

5. Kinh Hoa Nghiêm:

Bồ Tát Văn Thù Trong Vai Trò Thiện Trí Thức.

Kinh Hoa Nghiêm cũng là một trong những bộ kinh quý giá khác của Đại Thừa. Tương truyền bộ kinh này do Đức Phật Thích Ca thuyết giảng ngay sau khi thành Chánh giác. Trong khoảng 37 ngày tư duy dưới gốc cây Bồ đề, Ngài ở trong định « Hải Ấn Tam Muội », hiện ra thân tướng Pháp Thân Đại Nhật Như Lai mà nói ra bộ Kinh Hoa Nghiêm này để hoá độ cho các vị Bồ tát từ ngôi Sơ Địa trở lên. Do vì ý nghĩa quá thâm ảo nên Kinh này đã không được cho phổ biến mà đem đi cất giữ tại cung điện của Long Vương. Mãi đến 600 năm sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Bồ Tát Long Thọ ra đời, do lòng khát cầu Chánh pháp, Ngài đã dùng thần thông xuống Long Cung và lưu lại đây trong 90 ngày để đọc tụng sao chép và mang về san định lại rồi cho phổ biến bộ kinh

vĩ đại này.

Kinh Hoa Nghiêm xoay quanh hai trọng điểm « Nhất Thiết Duy Tâm Tạo » và « Nhất Tâm Chân Như Pháp Giới Duyên Khởi », trong đó phẩm « Nhập Pháp Giới » là một phẩm rất quan trọng, mô tả một mẫu người lý tưởng, Thiện Tài Đồng Tử, đã nguyện dâng trọn đời mình để phụng sự Chánh pháp với giấc mơ xây dựng một cõi Tịnh Độ nhân gian, giải thoát hết thảy chúng sanh ra khỏi mọi khổ đau, hệ lụy. Trên con đường đi cầu đạo Bồ Tát, Thiện Tài Đồng Tử đã tham cầu học hỏi với 53 vị Thiện trí thức, mở đầu bằng ngài Văn Thù Sư Lợi - biểu trưng cho trí tuệ để kết thúc với hạnh Phổ Hiền. Phẩm Nhập Pháp Giới cũng đã nêu bật được vai trò quan trọng và cần thiết của các bậc Thiện trí thức trên con đường học đạo mà trong đó Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi là một vị Thiện trí thức điển hình.

Phẩm Pháp Giới bắt đầu với pháp hội mở ra tại khu vườn của ông Cấp Cô Độc trong rừng Thệ Đa, nước Thất La Phiệt với Đức Phật Thích Ca

cùng 500 vị đại Bồ Tát, hằng hà sa số Thanh văn... Trong kỳ Pháp hội này, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đã nhận thấy trong thính chúng có một nhân vật đặc biệt là Thiện Tài Đồng Tử, người « đã từng cúng dường quá khứ chư Phật, gieo sâu căn lành, tin hiểu rộng lớn, thường thích gần gũi các thiện tri thức. Thân ngữ ý đều không lỗi lầm, tu Bồ Tát đạo cầu Nhứt thiết trí thành Phật pháp khí. Tâm đồng tử này thanh tịnh như hư không, hồi hướng Bồ đề không chướng ngại. Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát quán sát Thiện Tài như vậy rồi, liền an ủi chỉ dạy tất cả Phật pháp,» mà hai bài học vỡ lòng là « phát tâm bồ đề » và « cầu Thiện trí thức ». Được nghe những pháp bảo vi diệu của Đức Văn Thù, Thiện Tài Đồng Tử đã quyết định chọn Ngài làm vị Thầy và muốn được đi theo để thọ giáo :

« Lúc đó ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, như tượng vương, xoay nhìn Thiện Tài đồng tử mà bảo rằng :

Lành thay ! Lành thay ! Này thiện nam tử ! Người đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, lại muốn thân cận các bậc thiện tri thức để hỏi

Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo.

**Này thiện nam tử ! thân cận cúng dường các
bực thiện tri thức là hơn duyên trước nhất
để được đầy đủ Nhất thiết trí.**

**Vì thế nên công việc này người chớ có mỗi
nhàm.” (26)**

Thiện Tài đồng tử bạch rằng :

**Cúi xin đức Thánh vì tôi mà dạy Bồ Tát phải
học Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải tu Bồ Tát
hạnh thế nào ? phải đến Bồ Tát hạnh thế
nào ? Phải thật hành Bồ Tát hạnh thế nào ?
Phải tịnh Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải nhập
Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải thành tựu Bồ
Tát hạnh thế nào ? Phải tùy thuận Bồ Tát
hạnh thế nào ? Phải ghi nhớ Bồ Tát hạnh
thế nào ? Phải thêm rộng Bồ Tát hạnh thế
nào ? Phải làm thế nào cho Phổ Hiền hạnh
mau được viên mãn. (27)**

**Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bảo Thiện Tài
đồng tử rằng :**

**Lành thay ! Lành thay ! này thiện nam tử !
Người đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, cầu
hạnh Bồ Tát.**

Này thiện nam tử ! nếu có chúng sanh phát

tâm Vô thượng Bồ đề, đây là việc rất khó. Đã có thể phát Bồ đề tâm rồi lại cầu Bồ Tát hạnh, việc này càng khó gấp bội.

Này thiện nam tử ! Nếu muốn thành tựu Nhất thiết chủng trí thời phải quyết định cầu chân thiện tri thức.

Này thiện nam tử ! Cầu thiện tri thức chớ có mỗi lười. Thấy thiện tri thức chớ có nhàm đủ. Thiện tri thức có dạy bảo điều gì phải đều tùy thuận. Nơi thiện xảo phương tiện của thiện tri thức chớ thấy lỗi lầm.

Phương nam này có một nước tên là Thắng Lạc. Trong nước Thắng Lạc có tòa núi tên là Diệu Phong. Trên núi đó có một Tỷ kheo tên là Đức Vân. Người nên đến hỏi Tỷ Kheo Đức Vân : Bồ Tát phải học Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải tu Bồ Tát hạnh thế nào ? Nhân đến phải như thế nào để được mau viên mãn hạnh Phổ Hiền ?” (28)

Như vậy trên con đường Bồ tát đạo, bên cạnh phát Bồ đề tâm, hành giả còn phải tìm cách thân cận với các bậc thiện tri thức để học hỏi, mở mang trí tuệ rồi áp dụng vào việc tu trì. Học phải đi đôi với hành. Học mà không hành

thì chỉ trở thành một con một con một sách, một kho chứa kiến thức chẳng những không ích lợi gì cho ai mà đôi khi lại còn làm phát triển tính cống cao, ngã mạn, rất nguy hại cho kẻ hành Bồ tát đạo.

Kể từ đây vâng theo lời Thầy, Thiện Tài Đồng Tử đã lên đường đi cầu đạo Bồ Tát, và đã gặp gỡ hầu hết những vị thiện tri thức tiêu biểu cho các tông phái, pháp môn của đạo Phật, học hỏi được tất cả những tinh yếu trong giáo lý nhiệm mầu của Đức Bản Sư. Đến chặng cuối, khi tham vấn Bồ Tát Di Lặc, được ngài chỉ bảo cho các pháp môn Bát Nhã và Duy Thức, trước khi từ giả, Bồ Tát Di Lặc đã hết lời tán thán, xưng tụng Văn Thù Sư Lợi như là một vị Bồ tát công hạnh đầy đủ nhất, hoàn toàn nắm vững chân đế; trong quá khứ đã hoàn thành vô số hạnh nguyện, đã từng là mẹ của vô số các vị Phật, là Thầy của vô số lượng các vị Bồ Tát và Ngài khuyên Thiện Tài Đồng Tử trở về gặp lại vị minh sư cũ, Bồ Tát Văn Thù vi:

“Tất cả các bậc thiện trí thức mà người đã gặp, tất cả các pháp môn mà người đã nghe, tất cả các phương pháp đạt đến giác ngộ mà

người đã hành trì, tất cả các hạnh nguyện mà người đã thực hiện; đều được coi như trong quyền năng của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, người đã thực chứng trí tuệ viên mãn.” (29)

Vâng lời Bồ Tát Di Lặc, Thiện Tài Đồng Tử lại cất bước lên đường, vượt qua bao nhiêu thành trì nữa mới đến nước Phổ Môn, vào thành Tô-ma-na để tìm gặp lại vị Thầy cũ của mình. “Từ xa xa trông thấy bóng Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát tận cuối chân trời, Thiện Tài rảo bước như bay về phía Thầy, mong chóng quỳ gối ôm lấy chân sư phụ cho bỏ lòng thiết tha mong nhớ; đồng thời Ngài Văn Thù Sư Lợi thoát nhìn thấy bóng hình người đệ tử yêu quý của mình ở tận mù khơi, lòng cũng rộn lên niềm vui mừng khôn xiết. Ngài liền dơ tay qua khỏi 110 do tuần, rồi đặt nhẹ lên đầu Thiện Tài, đợi đến khi chàng vừa tới, chưa kịp làm lễ bái yết, Ngài đã cất tiếng khen: “Tốt lắm! Tốt lắm!” Rồi diễn nói cho người đệ tử thân yêu vô số pháp lành vi diệu, vô biên tế đà la ni, vô lượng đại nguyện, vô biên đại trí tuệ quang minh và thần thông tam muội không sao

kể xiết, khiến Thiện Tài Đồng Tử nhập vào đạo tràng Phổ Hiền hạnh. Nhờ thế mà chàng thực sự viên mãn được tâm đại bi, trừ được mọi vô minh vi tế, chướng ngại... Thiện Tài định thần, đắm chìm trong tư duy, quán tưởng, trong lúc Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát dùng thần thông ẩn hình, biến dạng lúc nào cũng không hay..." (30)

Lý tưởng Bồ Tát đạo là một lý tưởng cao đẹp. Những ai đang đi trên con đường Bồ tát đạo, con đường thực hành hạnh nguyện phục vụ chúng sanh, đừng quên rằng bên cạnh mình luôn luôn có sự hiện diện của một vị thiện trí thức, đó là Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, người lúc nào cũng sẵn sàng đưa tay xoa đánh chuyễn cho ta đầy đủ năng lực và trí tuệ cần thiết, để giúp ta tinh tấn tu tập, hoàn tất mọi hạnh nguyện như Thiện Tài Đồng Tử của Hoa Nghiêm.

6. Kinh Pháp Hoa và Bồ Tát Văn Thù: Vị Thị Giả Phát Ngôn, Giới Thiệu Chương Trình của Phật

Kinh Pháp Hoa nguyên văn là “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”, được đánh giá là “quyển kinh siêu việt vĩ đại nhất của Phật giáo đã được thọ trì truyền tụng từ Ấn Độ cho đến vùng Tân Cương và cả vùng Trung Á từ trước Tây lịch kỷ nguyên; từ năm 406 trở đi cho đến thế kỷ XX, bản dịch chữ Tàu của Cưu Ma La Thập là bản dịch duy nhất đã ảnh hưởng tác động sâu rộng nhất vào đạo lý tư tưởng lãnh đạo chính trị văn hóa của khối Đông Á từ Trung Quốc, Việt Nam và Đại Hàn và nhất là Nhật Bản. Năm 594, người được coi là khai tổ cho nền văn minh Nhật Bản, Thánh Đức Thái Tử (Shotoku) đã tập trung tất cả ý thức lãnh đạo dân tộc Nhật vào ba quyển kinh mà quyển kinh quan trọng nhất là Diệu Pháp Liên Hoa” (31). Kinh Pháp Hoa bàn về ý nghĩa của “Pháp Thân Thường Trụ”, mà qua đó Đức Thế Tôn đã “Khai Quyền Hiển Thực” chỉ cho mọi người thấy rõ được mục đích cứu cánh của giáo lý Đại thừa là toàn thể chúng sanh đều được trọn thành Phật quả. Chính do nghĩa lý nhiệm mầu sâu xa của kinh này mà Ngài Trí Khải Đại Sư (538-597) một người đã theo học pháp môn

Pháp Hoa đến chỗ rốt ráo tận cùng, dựa vào bản kinh của tuệ giác bình đẳng vĩ đại này để dựng lên một tông phái một thời được coi như lẫy lừng nhất trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, mà uy tín hầu như đã bao trùm thống nhiếp cả toàn bộ Phật giáo phía Nam Trung quốc: Thiên Thai Tông.

Vì tính cách quan trọng của bộ kinh này mà Đức Thế Tôn trong phẩm Pháp Sư đã ân cần dặn dò:

“Nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào, sau khi đức Như Lai diệt độ muốn vì hàng bốn chúng mà nói kinh Pháp Hoa này thì phải nói cách thế nào? -Người thiện nam thiện nữ đó phải vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi toà Như Lai, rồi mới nên vì bốn chúng mà rộng nói kinh này.

Nhà Như Lai chính là tâm từ bi lớn đối với trong tất cả chúng sanh, y Như Lai chính là lòng nhu hoà, nhẫn nhục, toà Như Lai chính là nhứt thiết pháp không. An trụ trong đây,

sau rồi dùng tâm không biếng trễ vì các Bồ tát và bốn chúng rộng nói kinh Pháp Hoa này” (32).

Cũng vì tính cách quan trọng của bộ kinh này mà trước khi tuyên nói kinh Pháp Hoa, trong Pháp hội đông đảo đại chúng gồm chư đại bồ tát, đại tỳ kheo, Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la vương, Ma hầu la dà ... Đức Thế Tôn đã nhập vào đại định, phóng hào quang chiếu soi khắp mười tám ngàn cõi ở phương Đông, đều thấy cõi nước trang nghiêm của các đức Phật, khiến đại chúng trong đó có cả Bồ tát Di Lặc, vô cùng kinh ngạc trước phép lạ hi hữu từ trước đến nay chưa từng có, và không biết do nhân duyên gì mà lại có điềm lành này. Bồ tát Di Lặc liền nghĩ rằng trong Pháp hội này duy chỉ có ngài Văn Thù Sư Lợi “đã từng gần gũi cúng dường vô lượng các đức Phật đời quá khứ chắc đã thấy tướng hi hữu này,” may ra mới có thể giải tỏa những thắc mắc của đại chúng và Ngài đã nêu câu hỏi để nhờ Bồ Tát Văn Thù giải đáp. Kinh Pháp Hoa như vậy đã dành cho Bồ

Tát Văn Thù Sư Lợi cái nhiệm vụ vô cùng vinh dự là thông báo cho đại chúng biết một thời pháp vô cùng quan trọng của Đức Bồ Sư. Đây là vai trò của người thị giả phát ngôn của Phật hay một cách cụ thể hơn vai trò của người điều khiển, giới thiệu chương trình như ta thường thấy trong các lễ hội ngày nay, vai trò đã làm nổi bật được tính cách thân cận không những chỉ giữa Bồ Tát Văn Thù và Đức Thế Tôn mà là còn với vô lượng các Đức Phật của thời quá khứ:

“Lúc bấy giờ, ngài Văn-Thù Sư-Lợi nói với ngài Di-Lặc Đại Bồ-Tát cùng các vị Đại-sĩ:

Các Thiện-nam-tử! Như chỗ tôi xét nghĩ thì nay đức Phật Thế-Tôn muốn nói pháp lớn, mưa pháp vũ lớn, thổi pháp loa lớn, đánh pháp cổ lớn và diễn pháp nghĩa lớn.

Các thiện-nam-tử! Ta từng ở nơi các đức Phật đời quá khứ thấy điềm lành này, Phật kia phóng hào quang đó rồi liền nói pháp lớn. Cho nên chắc biết rằng hôm nay đức Phật hiện hào quang cũng lại như vậy. Phật

vì muốn cho chúng sanh đều được nghe biết pháp mầu mà tất cả trong đời khó tin theo, cho nên hiện điềm lành này.

...

Nay thấy điềm lành này, cùng với xưa không khác, cho nên ta xét nghĩ hôm nay đức Phật Như-Lai sẽ nói kinh Đại-thừa tên: "Diệu-Pháp Liên-Hoa" là pháp giáo hoá Bồ-Tát được chư Phật hộ niệm." (33)

Đặc biệt Kinh Pháp Hoa cũng hé mở cho chúng ta biết một chi tiết liên quan đến nguồn gốc, lai lịch của Bồ Tát Văn Thù. Theo kinh Pháp Hoa, thì từ vô lượng a tăng tỷ kiếp về trước, có một vị Phật ra đời hiệu là Nhật-Nguyệt Đăng-Minh, Ngài Văn Thù lúc bấy giờ là một vị đại Bồ Tát hiệu là Diệu Quang, đã từng được nghe Phật thuyết giảng kinh này nên khi trông thấy điềm lành hiển bày, cùng với xưa không khác, cho nên theo Bồ Tát, “ta xét nghĩ hôm nay đức Phật Như-Lai sẽ nói kinh Đại-thừa tên: "Diệu-Pháp Liên-Hoa" là pháp giáo hoá Bồ-Tát được chư Phật hộ niệm.”

Vì Pháp Hoa là một bộ kinh trọng yếu của Đại Thừa, chi tiết nói về tiền kiếp của Bồ Tát Văn Thù trong bộ kinh này có thể được dùng để tạm kết thúc bài viết liên quan đến xuất xứ, nguồn gốc và vai trò quan trọng của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, vị Bồ Tát tiêu biểu cho trí tuệ trong truyền thống Phật giáo Đại Thừa:

“Đức Phật Nhật-Nguyệt Đăng-Minh lúc đó nói kinh Đại thừa tên "Vô-Lượng Nghĩa-Xứ" là pháp giáo hoá Bồ-Tát được chư Phật hộ niệm. Nói kinh đó rồi, Phật liền ở trong đại chúng ngồi xếp bằng nhập vào cảnh chánh định "Vô-Lượng Nghĩa-Xứ", thân và tâm chẳng động.

Khi ấy trời mưa hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa cùng hoa Ma-ha Mạn-thù-sa để rải trên đức Phật và hàng đại chúng. Khắp cõi nước Phật sáu điệu vang động. Lúc đó trong hội, hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận-sự nam, cận-sự nữ, trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-dà, nhơn, phi-nhơn cùng các vị tiểu vương, các vị Chuyển-luân thánh-

vương v.v... các đại-chúng đó được điều chưa từng có, mừng rỡ chấp tay một lòng nhìn Phật.

Bấy giờ, đức Như-Lai từ tướng lông trắng chặn giữa chân mày phóng ra luồng ánh sáng soi khắp cùng cả một muôn tám nghìn cõi nước ở phương đông, như nay đang thấy ở cõi Phật đây.

Di-Lặc nên biết! Khi đó trong hội, có hai mươi ức Bồ-Tát ra muốn nghe pháp, các vị Bồ-Tát ấy thấy ánh sáng chiếu khắp các cõi Phật được điều chưa từng có, đều muốn biết vì duyên có gì mà phóng ánh-sáng này. Khi ấy, có vị Bồ-Tát hiệu Diệu-Quang có tám trăm người đệ-tử.

Bấy giờ, đức Phật Nhật-Nguyệt Đăng-Minh từ trong chánh-định mà dậy, vì Diệu-Quang Bồ-Tát nói kinh Đại-thừa tên "Diệu-Pháp Liên-Hoa" là pháp giáo hoá Bồ-Tát được chư Phật hộ niệm, trải qua sáu mươi tiểu kiếp chẳng rời chỗ ngồi.

Sau khi đức Phật diệt-độ, Diệu-Quang Bồ-

Tát trì kinh "Diệu-Pháp Liên-Hoa" trải tám mươi tiểu kiếp vì người mà diễn nói.

Tám người con của Phật Nhật-Nguyệt Đăng-Minh đều học với ngài Diệu-Quang, ngài Diệu-Quang dạy bảo cho đều vững bền ở nơi đạo vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác. Các vị Vương-tử đó cúng dường vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật đều thành Phật-đạo. Vị thành Phật rốt sau hết, hiệu là Nhiên-Đăng.

Trong hàng tám trăm người đệ-tử có một người tên: Cầu-Danh, người này tham ưa danh lợi, dầu cũng đọc tụng các kinh mà chẳng thuộc rành, phần nhiều quên mất, nên gọi là Cầu-Danh. Người này cũng do có trông các nhân duyên căn lành nên được gặp vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật mà cúng dường cung kính tôn trọng khen ngợi. Di-Lặc nên biết! Lúc đó Diệu-Quang Bồ-Tát đâu phải người nào lạ, chính là ta đây. Còn Cầu-Danh Bồ-Tát là ngài đây." (34)

NAM MÔ ĐẠI TRÍ VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT

Tâm Hà Lê Công Đa.

GHI CHÚ: Bài viết này một phần được gợi ý và dựa vào tài liệu “Manjusri: Origins, Role and Significance” của GS/TS Anthony Tribe (Dharmachari Anandaiyoti), Giáo sư Đại học Montana, USA.

CHÚ THÍCH

(1): Reginald A. Ray. Indestructible Truth. Shambala xb. 2002. p. 192.

(2): Benoytosh Bhattachary The Indian Buddhist Iconography. 2nd ed. Calcutta. 1958. pp. 101-3.

(3): John Brough, 1948. Snellgrove giới thiệu trong Indo-Tibetan Buddhism, Indian Buddhist and their successors. 1987. p. 366.

(4): “Samsandati kho pana te pancasikha tantissaro giitassaro ca tantissarena na ca pana te pancasikha tantissaro ativannati giitassara

giitassaro vaa tantissaram.” (DNII. 267).

(5): Xem Kinh Trường A Hàm, Quyển 5, Thích Thiện Siêu dịch, Phật Học Viện Quốc Tế xb. 1986. trang 132-145.

(6): EtienneLamotte. Manjusri. Toung Pao. 1960. p. 35.

(7): EtienneLamotte. (như trên). p. 33-4.

(8): HT Thích Thanh Kiểm. Lịch Sử Phật Giáo Trung Quốc. Phú Lâu Na xb. 1991. p.180.

(9): HT Thích Thanh Kiểm. (như trên). p.170.

(10): Sáu bộ kinh được đề cập:

-Astasahasrika-prajna-paramita-sutra (AsPP; T.224),

- Wenshushili wen pusa shu jing (WWP; T. 458),

- Druma-kinnara-raja-pariprcha-sutra (DKP; T. 624),

- Lokanuvartana-sutra (LAn; T.807),

- Dousha jing (DSJ; T.280),
- and the Ajata'satru-kau.rtya- vinodana-sutra
(AjKV; T.626).

(11): Kinh “Văn Thù Sư Lợi Nói Về Cảnh Giới Bất Tư Nghị của Phật”. HT. Thích Chánh Lạc dịch, Quyển Thượng.

(12) & (13): Như trên.

(14): Kinh Duy Ma Cát. HT Thích Duy Lực dịch. Phẩm “Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát”.

(15): Kinh Duy Ma Cát. HT Thích Duy Lực dịch. Phẩm “Phật Quả”.

(16): Giới Thiệu Kinh Duy Ma Cát. Tuệ Sỹ.

(17): Tuệ Sỹ. Như trên.

(18): Kinh Duy Ma Cát. HT Thích Duy Lực dịch. Phẩm “Bất Nhị Pháp Môn”.

(19): «Pháp Môn Bất Nhị, Tư Tưởng Thiền Trong Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục ». HT.

Thích Thanh Kiểm, trong tuyển tập Tuệ Trung Thượng Sĩ với Thiền Tông Việt Nam. Nxb Đà Nẵng. 2000. Tr. 196-197.

(20): Edward Conze. The Short Prajnaparamita. London. Luzac & Co. 1973. pp 83-84.

(21): Garma Chang. A treasury of Mahayana Sutra. Pennsylvania & London: Pennsylvania State University Press. 1983. p. 65.

(22): Chang. Sách đã dẫn nt. p. 66.

(23): Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Bản dịch của HT. Thích Duy Lực , Quyển 1:

<http://www.tuvienquangduc.net/Kinhdien/25languyen06.html>

(24) Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Bản dịch của HT. Thích Duy Lực , Quyển 6.

(25) Đại Cương Kinh Lăng Nghiêm. HT Thích Thiện Hoa. Hương Đạo tái bản, 1962. Tr. 193-195).

(26), (27) & (28): Kinh Hoa Nghiêm. Phẩm Nhập Pháp Giới, Bản Việt dịch của HT Thích Trí Tịnh.

(29): Thomas Cleary. The Flower Ornament Scripture. A translation of the Avatamsaka Sutra. Vol. III: Entry Into the Realm of Reality. Shambala. Boston & London. 1987. pp. 377-8.

(30): Minh Đức Thanh Lương. Bồ Tát Đạo. (tóm tắt bởi HT Thích Đức Nhuận). trang 1119.

(31): Phạm Công Thiện, Lời Tựa Pháp Hoa Yếu Giải. The Corporate Body of the Buddhist Educational Foundation Ấn tông. Đài Loan. 1999. Tr.10.

(32): Kinh Pháp Hoa. Phẩm “Pháp Sư”. Bản dịch của HT Thích Trí Tịnh.

(33) & (34): Kinh Pháp Hoa. Phẩm “Tựa”. Bản dịch của HT Thích Trí Tịnh.